**Bài 4: CON NGƯỜI TRONG THẾ GIỚI KÌ ẢO**

**(Truyện truyền kì - 12 tiết)**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG ĐỌC TRUYỆN TRUYỀN KÌ**

**Tiết 44,45**

**VĂN BẢN 1: CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG**

**(Nam Xương nữ tử truyện - Nguyễn Dữ)**

**I. MỤC TIÊU**

**Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bảnthân.

- Năng lực sáng tạo: Hình thành qua việc có cảm nhận mới mẻ về VB.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

- Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

**2. Phẩm chất**

- Biết cảm thông, chia sẻ với người khác trong học tập và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Clip liên quan đến bài học.

- Máy tính, tivi dùng chiếu clip.

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- PHT.

- Sơ đồ, biểu bảng.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động tìm hiểu chủ điểm và câu hỏi lớn của bài học**

***a. Mục tiêu:***

- Xác định được tên chủ điểm, thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học.

- Xác định được nhiệm vụ học tập của phần đọc.

***-*** Có hứng thú về chủ điểm bài học *Con người trong thế giới kì ảo.* Xác định được tên chủ điểm, thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi để tìm hiểu chủ điểm và câu hỏi lớn của bài học.

**c*. Sản phẩm***:

- Phần ghi chép của HS về tên chủ điểm của bài học, thể loại sẽ học.

- Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập của phần Đọc.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  (1) GV yêu cầu HS: xem một đoạn clip *Từ Thức lấy vợ tiên* https://www.youtube.com/watch?v=beqp8K\_33MA và trả lời câu hỏi: *Những câu chuyện kì lạ về con người trong thế giới kì ảo có thể mang lại cho ta những bài học gì?*  (2) Chủ điểm, thể loại chính của bài học là gì?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 2 - 4 HS trình bày câu trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:*  (1), (2) GV nhận xét câu trả lời của HS. | (1) Hs rút ra bài học.  (2)  - Tên chủ điểm: *Con người trong thế giới kì ảo.*  - Thể loại chính: *Truyện truyền kì.* |

**2. Hoạt động xác định nhiệm vụ học tập**

***a. Mục tiêu:*** HS nhận biết nhiệm vụ học tập.

***b. Nội dung:***Hs trả lời câu hỏi để tìm hiểu về nhiệm vụ học tập.

***c. Sản phẩm***: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS quan sát nhanh nội dung phần Đọc trong SGK và trả lời câu hỏi: *Nhiệm vụ học tập chính của các em về Đọc ở bài học này là gì?*  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:*GV tóm tắt nhiệm vụ học tập của phần Đọc: đọc | - Thông qua việc đọc VB 1 VB 1 *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ),VB 2 *Truyện lạ nhà thuyền chài* (Lê Thánh Tông)hình thành kĩ năng đọc truyện truyền kì.  - Đọc VB 4 *Dế chọi* (Bồ Tùng Linh)để thực hành kĩ năng đọc truyện truyền kì.  - ĐọcVB 3 *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (Nguyễn Nhược Pháp)để hiểu thêm về chủ điểm bài học. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động tìm hiểu tri thức đọc hiểu**

**1.1. Truyện truyền kì**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền về thể loại truyện. Bước đầu nhận biết được những đặc điểm của thể loại truyện truyền kì: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

***b. Nội dung:***Hs trả lời câu hỏi để tìm hiểu về tri thức đọc hiểu.

***c. Sản phẩm*:** Nội dung đã điền của cột K và W trong phiếu K-W-L, những từ khoá liên quan đến các nội dung ở phần *Tri thức Ngữ văn*.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo **PHT số 1.**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 3 - 4 nhóm HS trình bày kết quả thực hiện theo từng nhiệm vụ. Các nhóm khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm học tập của HS. |  |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:**  **TÌM ĐẶC ĐIỂM THỂ LOẠI TRUYỆN VÀ TRUYỆN TRUYỀN KÌ**  Dựa vào tri thức đã có về thể loại truyện, kết hợp với đọc mục *Truyện truyền kì* trong SGK, em hãy thực hiện điền thông tin vào dấu […]:  **1. Khái niệm truyện truyền kì**  Truyện truyền kì là thể loại […]. Tiêu biểu cho thể loại truyện truyền kì là các tác phẩm: [ …]  **2. Đặc điểm của truyện và truyện truyền kì**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **ĐẶC ĐIỂM** | **TRUYỆN** | **TRUYỆN TRUYỀN KÌ** | | Không gian |  |  | | Thời gian |  |  | | Nhân vật |  |  | | Cốt truyện |  |  | | Lời người kể chuyện |  |  |   **Nhận xét:** […] | | |
| *.*  **Gợi ý PHT số 1**  **1. Khái niệm truyện truyền kì**  Truyện truyền kì là thể loại […]. Tiêu biểu cho thể loại truyện truyền kì là các tác phẩm: [ …]  Truyện truyền kì là một thể loại văn xuôi tự sự thời trung đại, phản ánh hiện thực qua những yếu tố kì lạ, hoang đường. Ớ Việt Nam, truyện truyền kì được viết bằng chữ Hán, phát triển mạnh ở thế kỉ XVI - XVII, tiêu biểu là Thánh Tông đi thảo, tương truyền của Lê Thánh Tông, Truyền kì mạn lục của Nguyễn Dữ.  **2. Đặc điểm của truyện và truyện truyền kì**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **ĐẶC ĐIỂM** | **TRUYỆN** | **TRUYỆN TRUYỀN KÌ** | | Không gian | Chỉ nơi câu chuyện xảy ra. | Nơi con người và ma, quỷ, thánh thần tương giao. | | Thời gian | Là thời điểm, khoảnh khắc khi sự việc, câu chuyện xảy ra. | Thời gian ở cõi trần khác với thời gian ở âm ti, thuỷ phủ hoặc thượng giới. | | Nhân vật | Là con người hay loài vật, đồ vật đã được nhân hoá, nhân vật là đồ vật có tính cách của con người | Là con người hay thần linh, ma, quỷ. Nhân vật là con người thường có những nét đặc biệt; nhân vật là thần linh, ma, quỷ thường mang tính cách của con người. | | Cốt truyện | Là chuỗi các sự việc chính được sắp xếp theo một trình tự nhất định và có liên hệ chặt chẽ với nhau. | Truyện truyền kì thường sử dụng yếu tố kì ảo tạo nên những biến đổi bất ngờ và hợp lí hoá những điều ngẫu nhiên, bất bình thường trong cốt truyện. | | Lời người kể chuyện | Là phần lời người kể dùng để thuật lại một sự việc cụ thể hay giới thiệu, miêu tả khung cảnh, con người, sự vật,… | Là lời kể của một người biết hết mọi chuyện ở trần gian, địa phủ, thượng giới, mọi hành động, suy nghĩ của nhân vật. Lời của người kể chuyện thường chiếm tỉ lệ cao trong VB. |   **Nhận xét:**  - Truyện và truyện truyền kì đều có cốt truyện, thời gian, không gian, nhân vật, lời người kể chuyện, lời độc thoại và đối thoại,...  - Đặc điểm cơ bản của truyện truyền kì là yếu tố kì ảo. Yếu tố đó thể hiện qua: Không gian; thời gian; nhân vật; cốt truyện và lời người kể chuyện. | |

**1.2. Lời đối thoại và độc thoại trong văn bản truyện**

***a. Mục tiêu:*** Phân biệt đượclời đối thoại và độc thoại trong truyện.

***b. Nội dung:*** Hs đọc tri thức Ngữ văn để tìm hiểu về lời đối thoại và độc thoại trong văn bản truyện.

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  (1)GV yêu cầu HS dựa vào phần *Tri thức Ngữ văn* trong SGK để trả lời câu hỏi: *Thế nào là lời đối thoại, độc thoại trong VB truyện, lời đối thoại và độc thoại khác nhau như thế nào?*  (2)Đọc đoạn trích và xác định đâu là lời đối thoại, đâu là lời độc thoại trong PHT số 2. | - Lời đối thoại trong văn bản truyện là lời thoại giữa các nhân vật, thể hiện nội dung giao tiếp của họ trong sự luân phiên (người nói và người nghe) đổi vai cho nhau. Lời độc thoại trong văn bản truyện là lời nhân vật tự nói với mình, thường dưới dạng lời nói thầm trong đầu (độc thoại nội tâm).  - Gợi ý PHT số 2: Trong đoạn trích trên, lời độc thoại là lời than của nhân vật "nàng" (phần chữ xanh), lời đối thoại là lời của nhân vật Sinh trao đổi với đứa con. (phần chữ tím). |
| **PHT số 2**   |  | | --- | | Đọc đoạn trích sau và xác định đâu là lời đối thoại, đâu là lời độc thoại:  *Đoạn rồi nàng tắm gội sạch, ra bến Hoàng Giang ngửa mặt lên trời mà than rằng:*  *- Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu mĩ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ.*  (…) *Sinh dỗ dành:*  *- Nín đi con, đừng khóc. Cha về, bà đã mất, lòng cha buồn khổ lắm rồi.*  *Đứa con ngây thơ nói:*  *- Ô hay! Thế ra ông cũng là cha tôi ư! Ông lại biết nói chứ không như cha tôi trước kia chỉ nín thin thít.*  *Chàng ngạc nhiên gạn hỏi. Đứa con nhỏ nói:*  *- Trước đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả.* |   ***.*** | |

**2. Hoạt động đọc văn bản 1: Chuyện người con gái Nam Xương**

**2.1. Chuẩn bị đọc**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến VB; tạo tâm thế trước khi đọc.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi ở mục Chuẩn bị đọc.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về câu hỏi *Chuẩn bị đọc*.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1*** |  | ***B*** | ***A*** | ***L*** | ***Ư*** | ***Ỡ*** | ***I*** | ***R*** | ***Ì*** | ***U*** |  |  |  | ***9*** |
| ***2*** |  |  | ***N*** | ***I*** | ***Ê*** | ***U*** | ***C*** | ***Ơ*** | ***M*** |  |  |  |  | ***7*** |
| ***3*** |  | ***P*** | ***H*** | ***Ư*** | ***Ợ*** | ***N*** | ***G*** | ***H*** | ***O*** | ***À*** | ***N*** | ***G*** |  | ***11*** |
| ***4*** |  |  | ***Ô*** | ***N*** | ***G*** | ***B*** | ***Ụ*** | ***T*** |  |  |  |  |  | ***6*** |
| ***5*** |  | ***Ă*** | ***N*** | ***K*** | ***H*** | ***Ế*** | ***T*** | ***R*** | ***Ả*** | ***V*** | ***À*** | ***N*** | ***G*** | ***12*** |
| ***6*** | ***C*** | ***Â*** | ***Y*** | ***T*** | ***R*** | ***E*** | ***T*** | ***R*** | ***Ă*** | ***M*** | ***Đ*** | ***Ố*** | ***T*** | ***13*** |
| ***7*** |  |  | ***C*** | ***Á*** | ***B*** | ***Ố*** | ***N*** | ***G*** |  |  |  |  |  | ***6*** |

**YẾU TỐ KÌ ẢO**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*:  - Cách 1: GV tổ chức trò chơi Ô chữ bí mật. Sau khi học sinh tìm ra được từ khóa “Yếu tố kì ảo”, Gv hỏi học sinh: Theo em, yếu tố kì ảo là gì? Yếu tố này thường xuất hiện trong thể loại nào?  Hàng ngang 1: Tên câu chuyện nói về việc người hiền lành trung thực, thật thà, luôn sống bằng thành quả lao động của mình sẽ nhận được những điều may mắn còn những người tham lam, dối trá sẽ phải nhận quả báo.  Hàng ngang 2: Đây là đồ dùng mà Thạch Sanh đã dùng để tiếp đãi chư hầu 18 nước.  Hàng ngang 3: Tên loài chim cõng nhân vật người em ra đảo để lấy.  Hàng ngang 4: Tên nhân vật hay xuất hiện để giúp những nhân vật yếu thế trong truyện cổ tích.  Hàng ngang 5: Tên truyện cổ tích thể hiện triết lí ở hiền sẽ gặp lành, ác giả ác báo.  Hàng ngang 6: Câu thần chú “Khắc nhập, khắc nhập” xuất hiện trong truyện nào?  Hàng ngang 7: Tên con vật được ví như người bạn thân thiết của Tấm trong truyện cổ tích Tấm Cám.  - Cách 2: Nêu một số chi tiết kì ảo trong các truyện kể dân gian mà em đã đọc và cho biết yếu tố đó thường được sử dụng trong các trường hợp nào và với mục đích gì.  - Cách 2: Gv tổ chức trò chơi Vượt chướng ngại vật. Có một từ khóa liên quan đến bài học bị ẩn đi. Để giải mã được từ khóa, HS sẽ có 4 gợi ý từ khó đến dễ.  **Gợi ý:**  + Nho giáo.  + Tư tưởng cổ hủ, lệch lạc.  + Phân biệt đối xử.  + Thập nữ viết vô, nhất nam viết hữu.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung kiến thức: Yếu tố kì ảo không chỉ xuất hiện trong văn học dân gian (truyện cổ tích, thuyền thuyết, thần thoại,...) mà còn có mặt trong cả văn học viết, cụ thể là ở thể loại truyện truyền kì. | Gợi ý  **Cách 1:** Từ khóa: Yếu tố kì ảo; xuất hiện trong truyện cổ tích, truyền thuyết, truyện truyền kì,...  **Cách 2:**  \* Yếu tố kì ảo và ý nghĩa của nó trong truyện cổ tích:  - Hình ảnh ông Bụt:  + Ông Bụt xuất hiện khi con người đang bế tắc, gặp khó khăn, cần sự trợ giúp.  + Ông Bụt chính là hiện thân của những phép thuật và là người biến mong ước trở thành hiện thực; giúp nhân dân thực hiện ước mơ về hạnh phúc.  - Những lần hóa thân (chết đi sống lại của nhân vật):  + Khi nhân vật yếu thế, nhân vật chính bị kẻ gian hãm hại.  + Cho thấy sức sống mãnh liệt, sự bất diệt của cái thiện, khát khao về công bằng, hạnh phúc.  **Cách 3: Từ khóa:** **TRỌNG NAM KHINH NỮ** |

**2.2. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc VB và sử dụng được một số kĩ thuật đọc khi trả lời câu hỏi trong khi đọc.

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong khi đọc; giới thiệu về tác giả, tác phẩm.

***c. Sản phẩm:*** Phần đọc của HS, phần ghi chép, chú thích của HS, câu trả lời cho các câu hỏi trong khi đọc.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  *-*HS đọc thầm VB, tự ghi chép và trả lời câu hỏi trong SGK theo **PHT số 3.**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi/ Kĩ năng đọc** | **Câu trả lời** | | 1. Những từ ngữ nào trong đoạn này gợi lên đặc điểm tính cách của Vũ Nương, Trương Sinh? |  | | 2. Câu nói này của bé Đản sẽ tác động thế nào đến Trương Sinh? |  | | 3. Đây là lời đối thoại hay độc thoại? |  | | 4. Các câu nói của bé Đản ở đoạn trên có tác dụng gì trong việc thể hiện số phận của Vũ Nương? |  | | 5. Chú ý sự thay đổi thái độ, tình cảm của Vũ Nương trong đoạn này. |  | | 6. Em có nhận xét gì về cái kết của câu chuyện? |  |   - Em hãy giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm theo PHT số 4  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc VB, ghi chép ý chính, từ khoá, ý tưởng và tìm câu trả lời cho câu hỏi Theo dõi, Suy luận trong SGK.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Một vài HS trình bày kết quả trả lời hai câu hỏi Theo dõi, Suy luận. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:* GV tóm tắt ý kiến của HS và bổ sung.  0981.713.891-329 | **2.2.1 Đọc**  - HS đọc.  - Câu hỏi trong hộp chỉ dẫn.   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi/ Kĩ năng đọc** | **Câu trả lời** | | 1. Những từ ngữ nào trong đoạn này gợi lên đặc điểm tính cách của Vũ Nương, Trương Sinh? | -Tính cách Vũ Nương: tính tình thùy mị, nết na lại thêm tư dung tốt đẹp, sống luôn giữ gìn khuôn phép.  -Tính cách của Trương Sinh: tính đa nghi, luôn phòng ngừa quá sức với vợ. | | 2. Câu nói này của bé Đản sẽ tác động thế nào đến Trương Sinh? | Trương Sinh nghi vợ ngoại tình, mắng nhiếc và đánh đuổi Vũ Nương. | | 3. Đây là lời đối thoại hay độc thoại? | Lời độc thoại. | | 4. Các câu nói của bé Đản ở đoạn trên có tác dụng gì trong việc thể hiện số phận của Vũ Nương? | xóa tan đi những hiểu lầm của Trương Sinh về Vũ Nương, cởi mối nghi ngờ cho rằng Vũ Nương ngoại tình. | | 5. Chú ý sự thay đổi thái độ, tình cảm của Vũ Nương trong đoạn này. | Ban đầu, Vũ Nương còn do dự vì vẫn còn chút uất ức, nhưng Khi Phan Lang nhắc đến chuyện nhà của tổ tiên thì Vũ nương ứa nước mắt khóc. | | 6. Em có nhận xét gì về cái kết của câu chuyện? | Đây là một kết thúc có hậu. |   **2.2.2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Nguyễn Dữ (chưa rõ năm sinh và năm mất) quê ở Hải Dương, sống ở thế kỉ XVI (thời Lê – Mạc), từng đỗ cử nhân, làm quan một thời gian ngắn rồi về quê ẩn dật.  - Nguyễn Dữ có đóng góp quan trọng ở thể loại truyện truyền kì.  **b. Tác phẩm**  - Chuyện người con gái Nam Xương là truyện thứ 16 trong số 20 truyện của tập Truyền kì mạn lục.  - Bố cục văn bản: 3 phần:  + Phần 1: Từ đầu đến… “lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình”: Cuộc hôn nhân giữa Trương Sinh và Vũ Nương  + Phần 2: Tiếp đến … “nhưng việc trót đã qua rồi!”: Nỗi oan của Vũ Nương.  + Phần 3: Còn lại: Vũ Nương được giải oan. |

**2.3. Suy ngẫm và phản hồi**

**2.3.1. Tìm hiểu cốt truyện, sự kiện, bối cảnh, nhân vật**

***a. Mục tiêu***

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

***b. Nội dung:*** Hs thảo luận các câu hỏi trong SGK.

***c. Sản phẩm:*** PHT số 5, số 6, số 7.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Hs thảo luận nhóm 4-6 em theo PHT số 5 để tìm hiểu cốt truyện, nội dung, bối cảnh.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ học tập.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* | **2.3.1.1. Tìm hiểu cốt truyện, nội dung, bối cảnh.**  - Cốt truyện: những sự kiện chính trong truyện là:  + Trở thành chinh phụ (đoạn đầu): Vũ Thị Thiết lấy chồng - người “có tính đa nghi”; chồng đi chinh chiến, nàng một mình phụng dưỡng mẹ chồng và nuôi con nhỏ.  + Mắc oan (đoạn tiếp theo): Trương Sinh trở về sau chinh chiến; đứa con không nhận Trương là cha, lại nói về một người cha khác đêm đêm vẫn về; Trương ghen tuông, quy cho Vũ Thị ngoại tình và đuổi nàng; Vũ Thị gieo mình xuống sông; Trương hiểu ra sự thật.  + Giải oan (đoạn cuối): Vũ Thị gặp Phan Lang, người làng dưới thuỷ phủ; Phan Lang khuyên nàng về thăm chồng con, Vũ Thị nhờ Phan Lang nói với Trương lập đàn giải oan cho nàng; Trương Sinh lập đàn giải oan cho Vũ Thị.  - Nội dung bao quát: Thói ghen tuông của người chồng và số phận bất hạnh của nàng Vũ Thị Thiết.  - Không gian: Sự kiện được kể theo các phạm vi khác nhau: trần thế (thế giới thực) - thuỷ phủ (thế giới kì ảo) - trần thế, con người có thể đi về giữa hai thế giới. Thời gian: Sự kiện sắp xếp theo trình tự tuyến tính (việc gì xảy ra trước kể trước). |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv chia lớp thành các nhóm nhỏ.  - Nhóm lẻ thực hiện PHT số 6 (câu 2,3 trong SGK để tìm hiểu về nhân vật Vũ Nương).  - Nhóm chẵn thực hiện PHT số 7 (câu 4 trong SGK để tìm hiểu về nhân vật Trương Sinh).  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ học tập .  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* | **2.3.1.2. Tìm hiểu nhân vật**  Nhân vật chính: Vũ Nương; Trương Sinh, các nhân vật phụ: Bé Đản, Linh Phi, Phan Lang,…  **a. Nhân vật Vũ Nương: PHT số 6.**  **b. Nhân vật Trương Sinh: PHT số 7.** |
| **.**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6: TÌM HIỂU NHÂN VẬT VŨ NƯƠNG**  **Câu 2:** Các nhân vật trong VB gồm: ......................................................................  Nhân vật chính là: .................................., nhân vật phụ là: .....................................................  **Câu 3:** Nhân vật Vũ Nương:   |  |  | | --- | --- | | **Nhân vật Vũ Nương** | **Chi tiết tiêu biểu** | | Lời giới thiệu trực tiếp của người kể chuyện ở đoạn đầu VB. |  | | Hành động, việc làm khi chồng đi chinh chiến. |  | | Hành động, việc làm khi bị mắc oan. |  |   Tính cách:..................................................................................................................  ...................................................................................................................................................................................................................................................................... |   **Gợi ý PHT số 6**   |  |  | | --- | --- | | **Nhân vật Vũ Thị Thiết** | **Chi tiết tiêu biểu** | | Lời giới thiệu trực tiếp của người kể chuyện ở đoạn đầu VB. | “Tính đã thuỳ mị, nết na”, “tư dung tốt đẹp”. | | Hành động, việc làm khi chồng đi chinh chiến. | Phụng dưỡng mẹ chồng già yếu, bệnh tật; lo tang mẹ chu toàn khi về già; chăm nuôi con nhỏ khôn lớn,… | | Hành động, việc làm khi bị mắc oan. | - Chịu oan, mọi lời phân trần (với Trường Sinh) đều vô hiệu.  - Kêu oan cùng trời đất (lời độc thoại, mình nói với mình, với trời đất).  - Tìm cái chết trên bến Hoàng Giang.  - Hiện hình trên sông, gặp lại chồng để minh oan cho mình. | | Tính cách: Là người phụ nữ hiếu thảo, nặng tình nặng nghĩa đảm đang, tháo vát, chịu thương chịu khó, thủy chung son sắt, người mẹ hiền thảo. | |  |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7: TÌM HIỂU NHÂN VẬT TRƯƠNG SINH** | | | **Nhân vật Trương Sinh** | **Chi tiết tiêu biểu** | | Lời giới thiệu trực tiếp của người kể chuyện ở phần đầu câu chuyện. |  | | Cách đối xử với vợ sau khi chinh chiến về. |  | | Nhận ra sự thật và gặp vợ lần cuối. |  | | Nhận xét về nhân vật: .....................................................................................................  .......................................................................................................................................... | |   **Gợi ý PHT số 7**   |  |  | | --- | --- | | **Nhân vật Trương Sinh** | **Chi tiết tiêu biểu** | | Lời giới thiệu trực tiếp của người kể chuyện ở phần đầu câu chuyện. | "Đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức". | | Cách đối xử với vợ sau khi đi chinh chiến về. | Nghe lời nói ngây thơ của đứa trẻ mà không suy xét, phân tích, nghi ngờ, hắt hủi vợ; động lòng thương khi vợ tự tử, tìm vớt xác vợ; nhận ra sự thật, gọi vợ trở về. | | Nhận xét: Trương Sinh thương vợ nhưng đa nghi một cách mù quáng, dẫn đến bi kịch gia đình. | | | |

***2.3.2. Tìm hiểu yếu tố kì ảo, lời kể, lời thoại***

***a. Mục tiêu:***

- Nhận biết và phân tích được yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì.

- Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

***b. Nội dung:*** Hs thảo luận các câu hỏi 5,6 trong SGK.

***c. Sản phẩm:*** PHT số 8 vàcâu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  *-* Hs thảo luận nhóm đôi theo **PHT số 8** (phụ lục)đểtìm hiểu yếu tố kì ảo.  - Đọc lời thoại của các nhân vật trong văn bản và cho biết:  + Lời nói của Vũ Thị Thiết trước khi tìm đến cái chết trên bến Hoàng Giang là đối thoại hay độc thoại? Dựa vào đâu em xác định được như vậy?  + Các câu nói của bé Đản nói với Trương Sinh trước và sau cái chết của Vũ Thị Thiết có vai trò như thế nào đối với diễn biến của sự việc, câu chuyện?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ học tập .  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* | **a. Tìm hiểu yếu tố kì ảo**   |  |  | | --- | --- | | **Chi tiết/ yếu tố kì ảo** | **Tác dụng thể hiện chủ đề,**  **tư tưởng** | | - Nhân vật và thế giới kì ảo: nhân vật Linh Phi, Phan Lang, … dưới thuỷ phủ.  - Linh Phi hoá thân vào con rùa, báo mộng cho Phan Lang và được Phan Lang cứu sống; việc cứu sống Vũ Thị, trả ơn Phan Lang của Linh Phi.  - Việc lậpđàn giải oan*,* cảnh Trương Sinh và Vũ Nương gặp gỡ trong cách biệt. | Thể hiện niềm cảm thương số phận những người phụ nữ, thể hiện niềm mong ước: người tốt sẽ được thần nhân phù trợ. |   **b. Tìm hiểu lời đối thoại và lời độc thoại trong VB .**  **\*** Lời nói của Vũ Thị Thiết trước khi tìm đến cái chết trên bến Hoàng Giang .  - Đây là lời độc thoại.  - Cơ sở xác định: lời dẫn của người kể chuyện, dấu hiệu lời thoại; cách xưng hô (Kẻ bạc mệnh này … - thần sông…), lời cầu xin, thề thốt (Nếu … Nhược bằng…),…  \* Câu nói của bé Đản với Trương Sinh.  - Lượt thoại 1,2  + *Ô hay! Thế ra ông cũng là cha tôi ư! Ông lại biết nói chứ không như cha tôi trước kia chỉ nín thin thít.*  *+ Trước đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả.*  *🡪* Lượt thoại thứ nhất của bé Đản với Trương Sinh có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của cốt truyện: làm cho Trương Sinh nghi ngờ lòng thuỷ chung của vợ, dẫn đến cái chết của nàng.  *- Lượt thoại thứ 3,4*  *+ Cha Đản lại đến kia kìa!*  *+ Đây này!*  *🡪* Lượt thoại thứ 2: vừa minh oan cho Vũ Thị, vừa giúp Trương Sinh nhận ra sai lầm của mình. |

***2.3.3. Khái quát đặc điểm thể loại truyện truyền kì***

***a. Mục tiêu:*** Nêu được một số dấu hiệu giúp nhận biết VB là truyện truyền kì.

***b. Nội dung:*** Hs thảo luận câu hỏi 7, SGK theo nhóm 4-6 em.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS cho câu 7 trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc lại *Tri thức đọc hiểu* và câu trả lời cho các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5 để thực hiện **PHT số 9** (câu 7 trong SGK).  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.  *Lưu ý*: GV cho HS thực hiện và nghe GV nhận xét, kết luận xong nhiệm vụ (1); rồi mới thực hiện nhiệm vụ (2).  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 2 - 3 nhóm HS trả lời câu hỏi. Các nhóm HS khác trao đổi, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS. |  |
| **PHT số 9**   |  |  | | --- | --- | | **Các yếu tố của truyện truyền kì** | **Thể hiện qua VB**  ***Chuyện người con gái Nam Xương*** | | Không gian: ........................................... | .............................................................  ............................................................. | | Thời gian: ............................................. | .............................................................  ............................................................. | | Nhân vật: .............................................. | .............................................................  ............................................................. | | Cốt truyện: ........................................... | .............................................................  ............................................................. | | Lời của người kể chuyện:......................  ............................................................... | .............................................................  ............................................................. |   **Gợi ý** **PHT số 9**   |  |  | | --- | --- | | **Các yếu tố của truyện truyền kì** | **Thể hiện qua VB**  ***Chuyện người con gái Nam Xương*** | | Không gian: nơi con người và ma, quỷ, thánh thần tương giao. | Không gian trần thế (thế giới thực) - thuỷ phủ (thế giới kì ảo) - trần thế, con người có thể đi về giữa hai thế giới. | | Thời gian: Có sự khác biệt về thời gian ở cõi trần với cõi âm ti, thuỷ phủ hoặc nơi thượng giới (biểu hiện qua nhịp độ nhanh chậm của thời gian); con người có thể sống nhiều đời, nhiều cuộc đời hoặc sống nhờ các phép thuật kì ảo. | Sự kiện sắp xếp theo trình tự tuyến tính (việc gì xảy ra trước kể trước). | | Nhân vật: là con người hay thần linh, ma, quỷ. Nhân vật là con người thường có những nét đặc biệt; nhân vật là thần linh, ma, quỷ thường mang tính cách của con người | Vừa có nhân vật là con người, vừa có nhân vật là thần linh (Vũ Thị Thiết, Trương Sinh, bé Đản, Linh Phi,...) | | Cốt truyện: thường sử dụng yếu tố kì ảo tạo nên những biến đổi bất ngờ và hợp lí hóá những điều ngẫu nhiên, bất bình thường trong cốt truyện. | Có nhiều yếu tố kì ảo:  - Nhân vật và thế giới kì ảo: nhân vật Linh Phi, Phan Lang, … dưới thuỷ phủ.  - Linh Phi hoá thân vào con rùa, báo mộng cho Phan Lang và được Phan Lang cứu sống; việc cứu sống Vũ Thị, trả ơn Phan Lang của Linh Phi.  - Việc lập đàn giải oan, cảnh Trương Sinh và Vũ Nương gặp gỡ trong cách biệt. | | Lời của người kể chuyện: là lời kể của một người biết hết mọi chuyện ở trần gian, địa phủ, thượng giới, mọi hành động, suy nghĩ của nhân vật. Lời của người kể chuyện thường chiếm tỉ lệ cao trong VB. | - Đan xen giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Người kể chuyện biết hết mọi chuyện ở trần gian, địa phủ. | | |

***2.3.4. Liên hệ, vận dụng***

***a. Mục tiêu:*** Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

***b. Nội dung:*** Hs thảo luận câu hỏi 8, SGK theo nhóm 4-6 em.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm HS thảo luận câu 8 trong SGK: Lời bình ở cuối truyện về Vũ Thị Thiết có đoạn: *Nếu không được trời xét tâm thành, nước không làm hại, thì xương hoa vóc ngọc, đã chôn vào họng cá nơi lòng sông, còn đâu được lại thông tin tức để nết trinh thuần được nhất nhất bộc bạch ra hết*. Em có đồng ý với lời bình trên không? Vì sao? Qua nhân vật Vũ Thị Thiết, em hiểu thêm điều gì về số phận của người phụ nữ trong một xã hội đề cao nam quyền?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện bài theo kĩ thuật khăn trải bàn.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Mời các HS có ý kiến khác nhau trình bày quan điểm của mình. Lưu ý: đây là câu hỏi mở, GV không nên áp đặt câu trả lời.  *\* Kết luận, nhận định:*GV tổng kết câu trả lời của HS, sau đó chia sẻ quan điểm của GV. | Gợi ý: Nội dung lời bình đã khẳng định tâm thành – tấm lòng thành, sự hiếu nghĩa với mẹ chồng, sự chung thủy với chồng, sự trong sáng thành thực với trời đất, nước non của Vũ Nương đã được trời cứu xét, nước che chở.  🡪 Đồng ý với lời bình  - Số phận của người phụ nữ trong xã hội đề cao nam quyền:  + Trong hoàn cảnh chiến tranh, chồng đi lính nặng gánh gia đình đè lên đôi vai của người phụ nữ.  + Số phận lệ thuộc, chịu đựng bất công của người phụ nữ.  + Tâm thành của người phụ nữ chỉ có trời nước biết, cứu xét, chở che, chồng không hay biết; nhưng trong cuộc đời thực, nàng đành phải chấp nhận cái chết oan khuất, được minh oan quá muộn màng. |

**2.4. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

- Một số lưu ý khi đọc văn bản truyện truyền kì.

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  *-* Em hãy khái quát nội dung và chỉ ra đặc điểm của truyện truyền kì được thể hiện trong tác phẩm.  *-* Nhóm 2 HS thiết kế sơ đồ tóm tắt các đặc điểm của thể loại truyện truyền kì.(có thể thực hiện theo **PHT số 10**).  - Em hãy rút ra lưu ý về cách đọc truyện truyền kì.  *\* Thực hiện nhiệm vụ* và *Báo cáo, thảo luận:* Các nhóm trình bày sơ đồ, sau đó, so sánh, nhận xét xem sơ đồ của nhóm nào đầy đủ, chính xác, trình bày khoa học, đẹp mắt.  *\* Kết luận, nhận định*: GV nhận xét về sơ đồ của các nhóm và lưu ý cách đọc truyện truyền kì. | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung, nghệ thuật**  **- Nội dung:** Thể hiện bi kịch tan vỡ hạnh phúc gia đình, qua đó phê phán xã hội phong kiến, đồng thời bày tỏ niềm thương cảm sâu sắc đối với sự bất hạnh của người phụ nữ.  - Nghệ thuật:cốt truyện được tổ chức theo trình tự tuyến tính, có sự kết hợp giữa yếu tố hiện thực và yếu tố kì ảo...  **2. Khái quát đặc điểm thể loại**  - Sơ đồ tóm tắt (PHT số 10)  **3. Một số lưu ý khi đọc văn bản** **truyện truyền kì**  - Lưu ý về cách đọc truyện thần kì:  + Tóm tắt cốt truyện  + Phân tích nhân vật, không gian, thời gian, lời người kể chuyện.  + Tìm và phân tích vai trò của yếu tố kì ảo. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Bầu bạn với Vũ Nương”.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv tổ chức trò chơi “Bầu bạn với Vũ Nương”.  Câu 1: Nhận định nào sau đây nói đúng về truyện truyền kì?  A. Là những truyện kể về các sự việc hoàn toàn có thật.  **B. Là những truyện kể có sự đan xen giữa những yếu tố có thật và yếu tố hoang đường.**  C. Là những truyện kể về các sự việc hoàn toàn do tác giả tưởng tượng ra.  D. Là những truyện kể về các nhân vật lịch sử.  Câu 2: Nhân vật chính tron văn bản là:  A. Trương Sinh và Phan Lang.  B. Vũ Nương và mẹ chồng.  **C. Trương Sinh và Vũ Nương.**  D. Vũ Nương và Phan Lang.  Câu 3: Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ có nguồn gốc từ:  A. Cốt truyện của Trung Quốc.  B. Từ truyện dã sử của Trung Quốc.  **C. Từ truyện cổ tích Việt Nam.**   D. Từ truyện đồng dao Việt Nam.  Câu 4: Việc đan cài các yếu tố thực với các yếu tố kỳ ảo trong tác phẩm mang lại hiệu quả nghệ thuật  gì ?  **A. Làm cho thế giới kỳ ảo lung linh gần với cuộc đời thực, làm tăng độ tin cậy cho câu chuyện.**  B. Làm cho thế giới kỳ ảo lung linh gần với cuộc đời thực.  C. Làm tăng độ tin cậy, hấp dẫn cho câu chuyện.  D. Làm tăng thêm nỗi thương xót Vũ Nương trong lòng người đọc.  Câu 5: Đâu không phải là yếu tố kì ảo trong tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương?  A. Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa.  B. Vũ Nương hiện ra sau khi Trương Sinh lập đàn giải oan.  **C. Vũ Nương nhảy xuống sông tự vẫn.**  D. Bóng Vũ Nương mờ nhạt dần và biến mất.  Câu 6: Chi tiết Vũ Nương nhờ Trương Sinh lập đàn giải oan thể hiện điều gì?  A. Nàng muốn về gặp Trương Sinh.  **B. Nàng là người có lòng tự trọng, khát khao được minh oan.**  C. Nàng muốn trở lại trần gian làm người.  D. Nàng muốn Trương Sinh cứu mình.  Câu 7: Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cái chết của Vũ Nương?  **A. Do lời nói ngây thơ của bé Đản.**  B. Do Trương Sinh tính tình nóng nảy, đa nghi.  C. Do Vũ Nương không thể tự minh oan cho mình.  D. Do Vũ Nương quá yếu ớt nên tự tử.  Câu 8: Nhận xét nào nói đúng nhất tính cách của nhân vật Trương Sinh ?  A. Một người con hiếu thảo, một người cha thương con.  B. Một người chồng thuỷ chung nhưng thô bạo.  **C. Một người chồng hay ghen mù quáng, thô bạo.**  D. Một người chồng đáng thương vì phải nuôi con một mình.  Câu 9: Dòng nào nói đúng đặc điểm của nhân vật Vũ Nương ?  A. Người phụ nữ xinh đẹp, nết na, luôn khao khát sự bình yên; người phụ nữ khát khao hạnh phúc gia đình; người phụ nữ chịu nỗi oan khuất nghiệt ngã.  **B. Người phụ nữ xinh đẹp, nết na; người phụ nữ khát khao hạnh phúc gia đình; người phụ nữ chịu nỗi oan khuất nghiệt ngã.**  C. Người phụ nữ có tài ăn nói, nết na; người phụ nữ khát khao hạnh phúc gia đình; người phụ nữ chịu nỗi oan khuất nghiệt ngã.  D. Người phụ nữ có tài đánh đàn, nết na; người phụ nữ khát khao hạnh phúc gia đình; người phụ nữ chịu nỗi oan khuất nghiệt ngã.  Câu 10: Nhận định nào nói đúng và đầy đủ ý nghĩa của chi tiết Vũ Nương gieo mình xuống sông tự vẫn?  A. Bày tỏ niềm thương cảm của tác giả trước số phận mỏng manh và bi thảm của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.  B. Phản ánh chân thực cuộc sống đầy oan khuất và khổ đau của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.  C. Tố cáo xã hội phụ quyền phong kiến đã chà đạp lên quyền sống của con người, nhất là người phụ nữ.  **D. Cả A, B, C đều đúng**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS tham gia trò chơi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức . | |

**D. VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ VB để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi và viết đoạn văn.

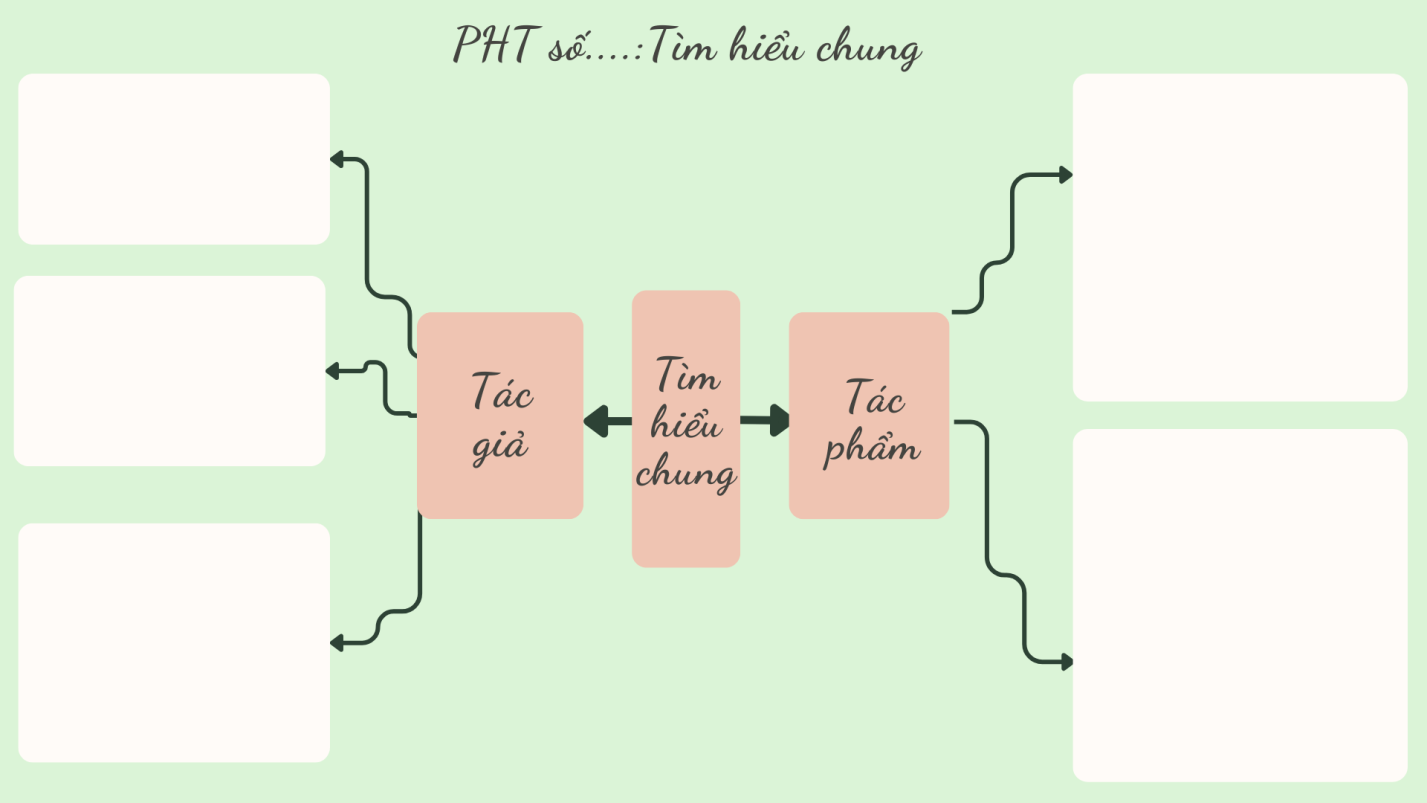
***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời và đoạn văn của Hs.

***d. Tổ chức thực hiện:***

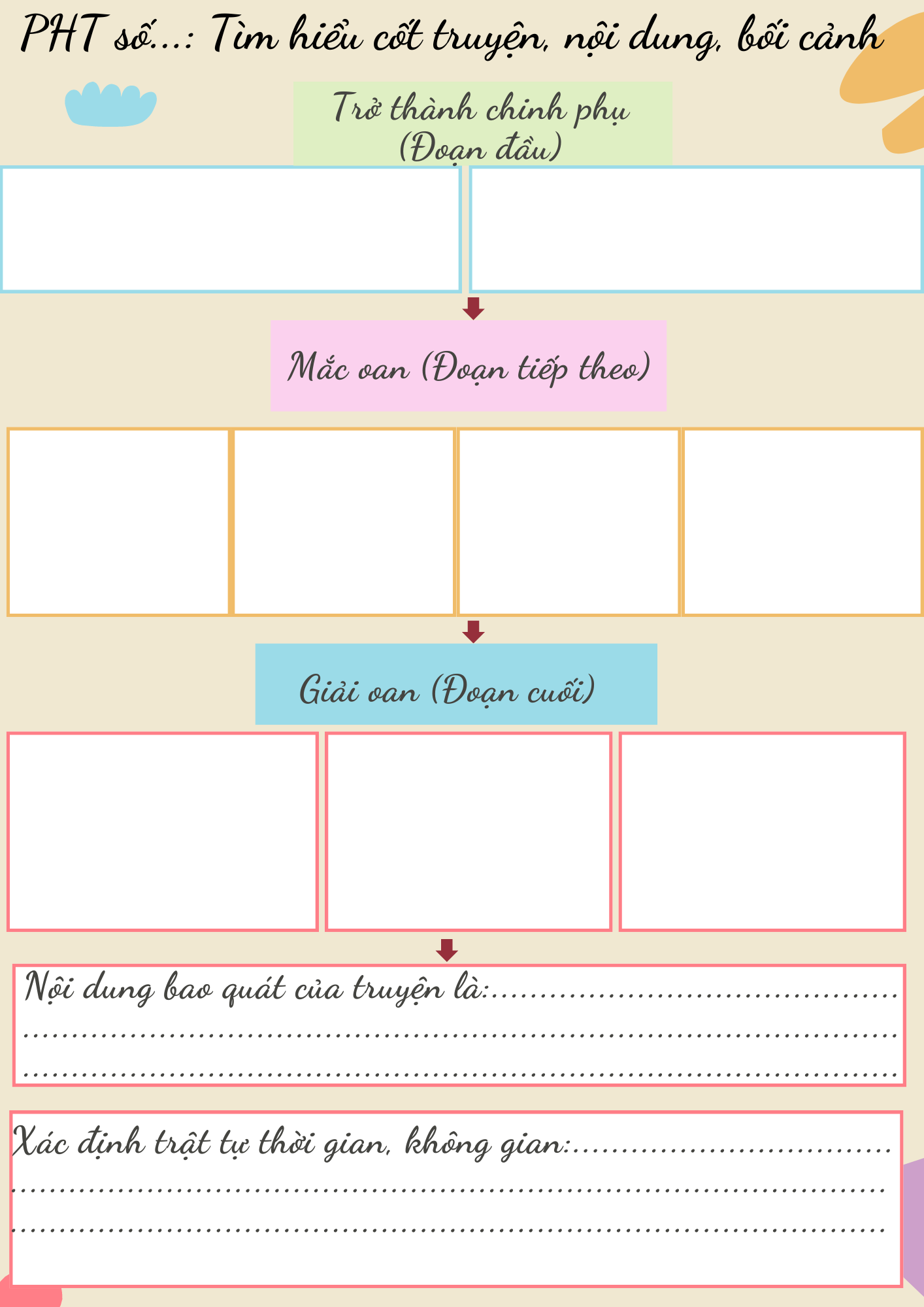
|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*:  (1) Trình bày ý kiến của em về vấn đề: Vị thế của người phụ nữ trong xã hội xưa và nay. (HS thảo luận nhóm).  (2) [Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) trình bày suy nghĩ của em về chi tiết “cái bóng” trong truyện.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-kn/viet-doan-van-trinh-bay-suy-nghi-cua-em-ve-chi-tiet-cai-bong.jsp)  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* Các nhóm gửi sản phẩm vào nhóm zalo của lớp.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của Hs . | Gợi ý:  (1)  \* Về nội dung  - HS chỉ ra được sự giống nhau và khác biệt.  - Nguyên nhân của sự khác biệt về vị thế.  - Chỉ ra được những bằng chứng điển hình, xác thực.  - Thể hiện được quan điểm, ý kiến của cá nhân.  \* Về hình thức trình bày:  - Kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ khi thể trình bày.  - Có thể trình bày dưới dạng bài viết/ video/ inphographic,...  (2) Đoạn văn của HS cần bảo đảm các yêu cầu:  - Nội dung: trình bày suy nghĩ về chi tiết “cái bóng” trong truyện.  - Dung lượng: 7 - 9 câu. |

**V. PHỤ LỤC**

**PHT số 4**

****

**PHT số 5**

****

**PHT số 8**

****

**Tiết 46, 47**

**VĂN BẢN 2: TRUYỆN LẠ NHÀ THUYỀN CHÀI**

**(Ngư gia chí dị - Lê Thánh Tông)**

**I. MỤC TIÊU**

**Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bảnthân.

- Năng lực sáng tạo: Hình thành qua việc có cảm nhận mới mẻ về VB.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

- Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

**2. Phẩm chất**

- Biết cảm thông, chia sẻ với người khác trong học tập và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Clip liên quan đến bài học.

- Máy tính, tivi dùng chiếu clip.

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- PHT.

- Sơ đồ, biểu bảng.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến VB; tạo tâm thế trước khi đọc.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi phần chuẩn bị đọc.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  Văn học dân gian Việt Nam có nhiều tác phẩm đề cao phẩm chất cao đẹp (như sống thủy chung, tình nghĩa, vị tha,...) của con người Việt Nam, nhất là người phụ nữ. Hãy chia sẻ bới bạn bè về một nhân vật phụ nữ trong tác phẩm mà em đã đọc và trân trọng.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập .  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ sản phẩm đã thực hiện trước lớp. Các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng kết các câu trả lời của HS, dẫn dắt vào bài. | ***Gợi ý:*** Nàng Cóc trong truyện Lấy vợ Cóc, mặc dù hình dáng của cô không đẹp nhưng lại có tốt nết. Cô Cóc biết nói và giúp đỡ gia đình chồng mình. Cuối cùng, cô biến thành một cô gái xinh đẹp và hạnh phúc bên chồng. Truyện này mang ý nghĩa về tình yêu và sự đánh giá bề ngoại không quan trọng, quan trọng là tốt nết và lòng chân thành. |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:***

-Vận dụng kĩ năng đọc đã học ở lớp trước như *Theo dõi, Đọc quét* trong quá trình đọc trực tiếp VB.

-Chia sẻ được kết quả thực hiện ở nhà của nội dung *Trải nghiệm cùng VB.*

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong khi đọc; giới thiệu về tác giả, tác phẩm.

***c. Sản phẩm***: Câu trả lời của HS cho những câu hỏi ở phần *Trải nghiệm cùng VB*.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Hs đọc phù hợp với tốc độ đọc và ghi lại câu trả lời cho các câu hỏi, kĩ năng đọc trong SGK.  1. Theo dõi: Những câu thơ trong đoạn 1 là lời của người kể chuyện hay là lời của nhânvật?  2. Suy luận: Các lời thoại của cha và Thúc Ngư trong đoạn 2 cho thấy quan niệm về việc học hành giữa hai cha con khác nhau như thế nào?  3. Theo dõi: Lưu ý yếu tố kì ảo và tác dụng của yếu tố kì ảo trong đoạn 3.  4. Suy luận:Việc làm và lời nói, lời hát của Ngọa Vân trong đoạn 4 cho thấy nàng là người như thế nào?  - Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm theo **PHT số 1.**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện lần lượt hai nhiệm vụ học tập .  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ sản phẩm đã thực hiện ở nhà với các thành viên trong lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tóm tắt, bổ sung ý kiến cho HS.  https://kenhgiaovien.com/sites/default/files/ck5/2024-08/06/image_69621c19890.png | **1. Đọc**  - HS đọc phù hợp với tốc độ đọc.  - Câu hỏi trong hộp chỉ dẫn.  **Gợi ý:**  - Theo dõi: Những câu thơ là lời của người kể chuyện.  - Suy luận: Quan niệm học hành của hai cha con khác nhau:  + Với người cha: Đi học để học những lời nói, việc làm của thánh hiền đời xưa, chép trong sách, học học mới biết mà bắt chước.  + Với Thúc Ngư: Trong sách không có cá, lời nói lại không thể đem đá cá được, và cậu không chịu đi học.  - Theo dõi  + Các yếu tố kì ảo trong đoạn này:  . những món ăn ngon tuyệt phẩm thơm lạ thường mà cha Ngọa Vân thết đã thông gia.  . đoạn văn nói về sự quay trở về nhà của vợ chồng ông thuyền chài, nhắm mắt ngồi trong thuyền, phó mặc hai người đẩy, kéo thuyền đi,.... hai gã đi sau, đi trước, tựa người nhưng không phải người, vảy rồng mồm giải, mặt thú thân xà, nổi chìm lên xuống nhanh như mây bay; nàng có thuật rút đường kì diệu, đường xa vạn dặm sẽ được rút ngắn lại bằng gang tấc.  + Tác dụng: làm tăng thêm sự kì bí, hấp dẫn cho câu chuyện; đồng thời, cũng đề cao vị thế dòng dõi hải tiên của người vợ.  - Suy luận: Tiếng khóc của Ngọa Vân, một điểm rãi gửi lại cho chồng trước lúc hóa rồng bay về phương Tây Bắc cũng thể hiện tình nghĩa sâu nặng của Ngọa Vân, người vợ hiền thảo thủy chung.  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Lê Thánh Tông (1442 – 1497) tên là Tư Thành, hiệu là Thiên Nam động chủ, con trai thứ tư của Lê Thái Tông. Ngài là một vị vua trị vì lâu nhất của nhà Hậu Lê, tên tuổi và sự nghiệp gắn liền với giai đoạn cường thịnh của đất nước nửa sau thế kỉ XV.  - Không chỉ là một vị vua anh minh, Lê Thánh Tông còn là một nhà thơ lớn với nhiều tác phẩm phong phú cả về đề tài và thể loại, cả chữ Hán và chữ Nôm.  **b. Tác phẩm**  - *Thánh Tông di thảo* được tương truyền là của Lê Thánh Tông, là tập văn xuôi chữ Hán gồm hai quyền: quyền Thượng 13 truyện, quyển Hạ 6 truyện và phần “phụ chép" Truyện con tằm vàng là phần ngắn nhất trong tập nhưng cũng mang nội dung khá hoàn chỉnh nên có thể coi là truyện thứ 20.  - Truyện lạ nhà thuyền chài là một trong số những truyện của Thánh Tông Di Thảo do Nguyễn Đình Ngô dịch. |

**2. Suy ngẫm và phản hồi**

**2.1. Tìm hiểu nội dung câu chuyện, không gian, thời gian và nhân vật trong truyện**

***a. Mục tiêu:*** Nêu được nội dung bao quát của VB; nhận biết được các sự kiện, nhân vật, không gian và thời gian trong truyện.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi số 1 trong SGK.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của nhóm HS về câu 1 trong SGK; thái độ tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động nhóm.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  Nhóm 4 - 6 HS trả lời câu 1 trong SGK theo **PHT số 2.**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ. Đại diện nhóm trình bày tóm tắt câu trả lời trên giấy A1/ bảng nhóm.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 2 - 3 nhóm HS trình bày câu trả lời. Các nhóm HS khác lắng nghe, trao đổi, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. | **2.1.1. Tìm hiểu nội dung câu chuyện, không gian, thời gian trong truyện**  - Tóm tắt cốt truyện.  **+** Do hiếm muộn, 60 tuổi vợ chồng lão đánh cá mới sinh được cậu con trai đặt tên là Thúc Ngư.  **+** Năm Thúc Ngư 15 tuổi, người cha muốn cho con đi học nhưng Thúc Ngư không chịu cho rằng kiến thức trong sách không có ích nên không học, cha mẹ thương con, nên không ép buộc.  + Suốt ba năm trời, Thúc Ngư thường bỏ nhà đi chơi xa. Có lần đến hai ba hôm mới về nhà. Cậu ta đi tìm vợ, tìm vợ tận “đảo ấp” cách xa nhà cậu chừng một dặm. Vợ là dòng dõi “hải tiên”, con nhà giàu sang, tên Ngoạ Vân, rất xinh đẹp, có phép rút đường.  + Nhờ vậy, nhà Thúc Ngư giàu có nhanh chóng do đánh bắt được nhiều cá ngon mỗi khi ra khơi.  + Đang sống hạnh phúc, nhưng cơn bão biển ập tới, khiến Ngoạ Vân phải hiện nguyên hình cứu gia đình chồng. Vì thiên cơ đã tiết lộ, nàng không thể nào chung sống cùng gia đình chồng được nữa bèn nói lời tạm biệt.  + Trước lúc tạm biệt, Ngoạ Vân đã nhổ ra một điểm rãi trắng trao cho Thúc Ngư và dặn đem hoà với nước thì sẽ không bị chìm, nói xong hoá thành rồng bay về phương Tây Bắc.  + Cuối truyện là lời bàn của Sơn Nam Trúc.  - Thời gian: các sự kiện trong câu chuyện được sắp xếp theo trật tự tuyến tính (chuyện gì xảy ra trước kể trước).  - Không gian: kết hợp không gian thực với không gian ảo. |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  Nhóm 4 - 6 HS trả lời câu 2 và 3 trong SGK theo **PHT số 3**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ. Đại diện nhóm trình bày tóm tắt câu trả lời trên giấy A1/ bảng nhóm.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 2 - 3 nhóm HS trình bày câu trả lời. Các nhóm HS khác lắng nghe, trao đổi, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. | **2.1.2. Tìm hiểu nhân vật trong truyện**  **a. Về nhân vật Thúc Ngư:** PHT số 3.  **b. Nhân vật Ngoạ Vân:** PHT số 3. |
| **PHT số 3**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **TÌM HIỂU NHÂN VẬT TRONG VĂN BẢN** | | | | **Việc chọn nghề của Thúc Ngư** | **Nhân vật Ngọa Vân** | | | Đồng tình/ không đồng tình:  ………………………………………..  ………………………………………..  ………………………………………...  ……………………………………….. | **Tính cách** | **Biểu hiện** | |  |  | |  |  | |  |  | | Lí giải ý kiến của em:  ………………………………………..  ……………………………………….. | Nhận xét:  ………………………………………  ............................................................ | |   **Gợi ý PHT số 3**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **TÌM HIỂU NHÂN VẬT TRONG VĂN BẢN** | | | | **Việc chọn nghề của Thúc Ngư** | **Nhân vật Ngọa Vân** | | | Đồng tình/ không đồng tình: Không đồng tình với quan niệm về việc học của Thúc Ngư được thể hiện qua lời thoại.  + Trong sách có cá không?  + Lấy lời nói và việc làm của thánh hiền mà đánh cá có được không?  + Trong sách đã không có cá, lòi nói lại không thể đem đánh được cá, con học làm gì?  => Ba lượt thoại trên thể hiện rõ quan niệm đơn sơ của Thúc Ngư: Phải lấy động cơ, hiệu quả thực tế, thực dụng (giúp cha mẹ đánh được nhiều cá, bớt lam lũ vất vả) làm mục đích để quyết định có đi học hay không. Mục đích của việc học là để giúp cha mẹ kiếm sống bằng nghề cá thuận lợi hơn. | **Tính cách** | **Biểu hiện** | | Thuỳ mị, nết na nhưng tháo vát, giỏi giang. | “ngồi lễ bốn lạy” khi mới gặp vợ chồng thuyền chài; sắp xếp hai gã bán kinh đưa họ về nhà an toàn; trong bốn năm làm dâu, chăm chỉ chung sức gây dựng cơ đồ nhà chồng và là chỗ dựa vững chắc cho công việc đánh cá, giúp nhà chồng giàu có lên. | | Có đức hi sinh, lòng vị tha, yêu thương chồng và gia đình nhà chồng. | Khi tai hoạ xảy ra, nàng đã hết lòng và xả thân cứu sống cả gia đình nhà chồng cùng gia sản của họ bằng cách lộ nguyên hình, biến thành con cá to chắn nước để cả nhà được an toàn qua cơn lũ. | | Thể hiện tình nghĩa vẹn toàn chu đáo khi bắt buộc phải từ giã gia đình nhà chồng. | chỉ cách cho Thúc Ngư thoát khỏi nạn chết đuối. | | Lí giải ý kiến của em:  Thúc Ngư cảm thấy việc học không áp dụng được cho việc đánh cá, mưu sinh nên cảm thấy vô ích. Quan niệm của Thúc Ngư về việc học là quan niệm hẹp hòi, thực dụng, bản chất cốt lõi của việc học là học đạo lí làm người, rèn luyện đạo đức, học tri thức – lao động trí óc nhưng lại quy đổi ra việc đánh cá – lao động chân tay.  Đây là một quan niệm rất sai lầm và thiển cận. | Nhận xét:  Thể hiện phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam truyền thống qua từng lời nói, hành vi ứng xử của nàng. | |   ***.*** | |

**2.2. Tìm hiểu yếu tố kì ảo và ngôn ngữ của văn bản**

***a. Mục tiêu:***

**-** Nêu được tác dụng của chi tiết kì ảo.

- Nhận biết được lời độc thoại, đối thoại trong lời truyện truyền kì.

- Khái quát được kiến thức về thể loại truyện truyền kì.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi số 4,5,6 trong SGK.

***c. Sản phẩm:*** PHT số 4 (câu 4 trong SGK) và câu trả lời của HS cho câu 5, 6 trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  (1) Nhóm 5 HS thực hiện **PHT số 4** (câu 4).  (2) Nhóm hai HS trả lời câu 5: Đọc kĩ lời thơ ở đoạn 1, lời hát ở đoạn 4 và cho biết: 🡪  a. Phần lời thơ ở đoạn 1 là tự sự, miêu tả hay biểu cảm? Phần lời hát ở đoạn 4 là đối thoại hay độc thoại/ độc thoại nội tâm? Những dấu hiệu nào trong văn bản giúp em nhận biết điều đó?  b. Tác dụng của việc dùng lời thơ, lời hát trong văn bản.  (3) Nhóm 2 HS xem lại tri thức đọc hiểu và các câu trả lời (câu 6) trong SGK: Truyện lạ nhà thuyền chài có phải là truyện truyền kì hay không? Dựa vào đâu để em khẳng định như vậy?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự (1) 🡪 (2) 🡪 (3).  *\* Báo cáo, thảo luận:* 4 - 6 HS trình bày sản phẩm. Các HS khác góp ý, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*GV tóm tắt câu trả lời của các nhóm, bổ sung: | **a. Yếu tố kì ảo:** PHT số 4  **b. Tìm hiểu về lời thơ, lời hát trong văn bản**  - Phân tích lời thơ, lời hát.  + Lời thơ ở đoạn 1: Bốn dòng thơ đầu chủ yếu tự sự; các dòng cuối kết hợp tự sự với biểu cảm (cụm từ mang tính biểu cảm: *cũng thật là* ...).  + Lời hát ở đoạn 4: Lời của Ngoạ Vân (hát đi hát lại) để giã biệt chồng, cha mẹ chồng, và cũng nói với cả trời đất (*ông xanh*), đây cũng là một dạng đối thoại/ độc thoại nội tâm.  - Tác dụng của việc dùng lời thơ ở đoạn 1, lời hát ở đoạn 4:  + Nhằm đa dạng hoá ngôn ngữ kể chuyện  + Lời kể bằng thơ nhằm gợi tả cuộc sống lương thiện, cần mẫn, đầm ấm của vợ chồng ông ngư;  + Lời thoại bằng bài hát thể hiện tình cảm buồn thương, tiếc nuối của nhân vật Ngoạ Vân.  **c. Đặc điểm thể loại truyền kì trong “*Truyện lạ nhà thuyền chài”***  *Truyện lạ nhà thuyền chài* là một truyện truyền kì vì đã thể hiện đầy đủ các đặc điểm của truyện truyền kì: không gian, thời gian, nhân vật, *Truyện lạ nhà thuyền chài* - Truyện lạ nhà thuyền chài có là truyện truyền kì, vì:  + Có không gian kì ảo  + Có các chi tiết kì lạ, hoang đường  + Nhân vật là thần linh  + Cốt t*ruyện truyền kì* |
| **PHT số 4**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Chi tiết/ yếu tố kì ảo** | **Tác dụng khắc hoạ nhân vật** | **Tác dụng thể hiện chủ đề** | |  |  |  | |  |   **Gợi ý PHT số 4**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Chi tiết/ yếu tố kì ảo** | **Tác dụng khắc hoạ nhân vật** | **Tác dụng thể hiện chủ đề** | | *Nhân vật và thế giới kì ảo*: nhân vật Ngoạ Vân, cha mẹ Ngoạ Vân, "gã bán kinh"; cuộc gặp gỡ kì lạ ở không gian biển khơi, đảo ấp; yếu tố "thiên cơ" và những luật lệ khác ở trần gian. | Thể hiện nét đặc biệt của nhân vật kì ảo (có sức mạnh siêu nhiên), đồng thời thể hiện hình ảnh, tính cách của con người. | Làm rõ chủ đề: ca ngợi sự hiếu nghĩa của người phụ nữ Việt Nam qua câu chuyện tình kì ảo giữa con người và thần linh. | | *Hành động kì ảo*: việc gã bán kinh đưa cha mẹ Thúc Ngư về nhà, thuật rẽ nước và phép thuật chống lại sóng dữ của Ngoạ Vân. |   . | |

***2.3. Liên hệ, vận dụng***

***a. Mục tiêu:*** Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi số 7 trong SGK.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS (câu 7) trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Hs thảo luận câu hỏi số 7 theo **PHT số 5.**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | | Nội dung lời bàn của Sơn Nam Thúc là gì? |  | | Khi chưa đọc lời bàn của Nam Sơn Thúc ở cuối truyện thì em đã hiểu như thế nào về nội dung ý nghĩa của truyện? |  | | Sau khi học lời bàn này, đối chiếu với lời bàn của Sơn Nam Thúc với nội dung của truyện trong việc hiểu tác phẩm của em có sự thay đổi như thế nào? |  | | Từ đó em hãy nêu tác dụng lời bàn của Sơn Nam Thúc. |  |   *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ .  *\*Báo cáo, thảo luận:*Đại diện nhóm HS trình bày sản phẩm sưu tầm.  *\* Kết luận, nhận định:* | Gợi ý  - Nội dung lời bàn của Sơn Nam Thúc: Bàn về phẩm hạnh của Ngọa Vân và đưa ra lời giáo huấn, nhắc nhở về cách cư xử đối với cha mẹ chồng.  - Khi chưa đọc lời bàn ở cuối truyện, em hiểu văn bản đề cập đến cuộc sống của gia đình người thuyền chài, mối tình giữa Thúc Ngư và Ngọa Vân.  - Sau khi đọc tác phẩm, em thấy bên cạnh việc nói về cuộc sống của gia đình người thuyền chài, mối tình giữa Thúc Ngư và Ngọa Vân, tác phẩm còn ca ngợi đức hi sinh, tấm lòng hiếu nghĩa với bố mẹ chồng của Ngọa Vân... |

**3. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT **.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Em hãy khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản.  *\* Thực hiện nhiệm vụ* và *Báo cáo, thảo luận:* Các nhóm trình bày sơ đồ.  *\* Kết luận, nhận định*: GV nhận xét . | **III. Tổng kết**  - Nội dung: Truyện lạ nhà thuyền chài kể về cuộc sống của một gia đình thuyền chài trên biển. Truyện tập trung vào cuộc sống của nhân vật chính là Thúc Ngư. Qua câu chuyện nhấn mạnh về tình yêu và sự đoàn kết trong gia đình, truyền đạt thông điệp về sự kiên nhẫn và lòng yêu thương gia đình trong cuộc sống.  - Nghệ thuật:cốt truyện được tổ chức theo trình tự tuyến tính, có sự kết hợp giữa yếu tố hiện thực và yếu tố kì ảo... |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Giải cứu Ngọa Vân”

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv tổ chức trò chơi “Giải cứu Ngọa Vân”  Câu 1: Ngọa Vân được giới thiệu như thế nào?  A. Là con thứ mười chín của ông già dưới cằm có hai cái râu rất dài.  B. Là họ hàng xa của vợ chồng nhà thuyền chài.  **C. Là cô gái Thúc Ngư gặ ở bờ biển, có lời hẹn ước Chu Trần, còn ít tuổi.**  D. Là con thứ tám mươi chín của ông già dưới cằm có hai cái râu rất dài, tuổi vừa tròn đôi mươi.  Câu 2: Đâu không phải là chi tiết kì ảo trong văn bản Ngư gia chí dị?  A. Tuy mỗi vật chỉ nhỏ bằng đầu ngón tay, mà vảy, sùng, lông, cánh, tai, mắt, chân, tay, con nào rõ ra con ấy.  B. Hai gã đi sau, đi trước, tựa người nhưng không phải người, vảy rồng mồm giải, mặt thú thân xà, nổi chìm lên xuống nhanh như mây bay.  **C. Đang khi lạy khẩn, nghe đồn nước biển dâng to. Chỗ nào cây nước đổ xuống là làng xóm sạch nhẵn. Mọi người cùng ra cổng xem, thấy sóng to cuồn cuộn tràn đến.**  D. Tức thì nàng hoá ra một con cá to, dài độ ngàn thước, mình lớn ước tới ba mươi quầng, nằm chắn chỗ ngọn nước tràn vào.  Câu 3: Ngọa Vân là loại nhân vật nào trong truyện truyền kì?  A. Ma.  B. Người thường.  **C. Tiên nữ.**  D. Quỷ.  Câu 4: Hành động hiện chân tướng là loài cá để cứu tính mạng gia đình nhà chồng thể hiện điều gì?  A. Sự tài giỏi trong việc sử dụng phép biến hóa.  **B. Sự hi sinh của Ngọa Vân**  C. Sự yếu đuối của người phàm trần.  D. Sự dữ dội của thiên tai, bão lũ.  Câu 5: Tiếng hát trong nước mắt của Ngọa Vân ẩn chứa điều gì?  A. Tiếng hát của sự ai oán, khổ đau,  B. Tiếng hát thể hiện sự tức giận, phẫn uất.  C. Tiếng hát của sự hạnh phúc, vui mừng.  **D. Tiếng hát của tình yêu thương, của đạo lí và đức hi sinh.**  Câu 6: Những câu thơ dưới đây là lời của ai?  Chồng đem tấm lưới chặn dòng sâu,  Vợ vác cần dài tới bế câu.  Gió sớm đi ra, chèo một mái,  Trăng đêm trở lại cá từng sâu.  A. Lời của nhân vật Thúc Ngư.  B. Lời của vợ chồng nhà thuyền chài.  C. Lời của Ngoạ Vân.  **D. Lời của người kể chuyện.**  Câu 7: Khi mười lăm tuổi, người cha muốn Thúc Ngư làm gì?  **A. Bỏ nghiệp nhà đi học.**  B. Nối nghiệp cha, tiếp tục làm nghề đánh bắt cá.  C. Vừa nối nghiệp nhà, vừa đi học.  D. Đi ngao du sơn thủy, khám phá cuộc sống.  D. Là con thứ tám mươi chín của ông già dưới cằm có hai cái râu rất dài, tuổi vừa tròn đôi mươi.  Câu 8: Phần bình luận của Sơn Nam Thúc đặt ở cuối truyện có tác dụng gì?  **A. Đảm bảo tính khách quan cho giọng điệu kể chuyện.**  B. Giúp giọng điệu kể thêm phong phú.  C. Tạo sức lôi cuốn, sâu sắc cho truyện.  D. Tăng dung lượng cho câu chuyện.  Câu 9: Những đoạn thơ xuất hiện trong văn bản Ngư gia chí dị có ý nghĩa như thế nào?  A. Tạo sự phong phú về mặt diễn đạt, thể hiện tài năng ở cả lĩnh vực văn xuôi và văn vần của tác giả.  B. Giúp câu chuyện thêm dạt dào cảm xúc, tăng sự đồng cảm và khơi gợi nhiều tình cảm từ phía độc giả.  **C. Có tác dụng hiệu quả trong việc miêu tả, thể hiện tâm trạng nhân vật và đặc biệt là nói lên những điều không dễ nói một cách trực tiếp bởi đặc trưng “trữ tình” vốn có.**  D. Hỗ trợ đắc lực cho việc kể chuyện, thuật lại sự việc một cách ngắn gọn, súc tích hơn.  Câu 10: Việc xuất hiện đậm đặc các yếu tố kì ảo trong Ngư gia chí dị thể hiện điều gì?  A. Phản ánh đời sống tâm linh kì diệu, bí ẩn của nhân dân.  **B. Đề cao tính hư cấu của văn học nghệ thuật và trí tưởng tượng, sáng tạo của nhà văn.**  C. Thể hiện niềm tin của con người vào sự tồn tại của một thế giới siêu nhiên.  D. Là sự tiếp nối từ thể loại văn học dân gian.  Câu 11: Hành động “nhổ một ít nước bọt trắng trao cho Thúc Ngư”, hòa với nước mặn uống thì xuống nước không chìm, không bao giờ bị nạn chết đuối có ý nghĩa gì?  A. Thể hiện năng lực làm phép mạnh mẽ của nàng.  **B. Thể hiện ân nghĩa sâu nặng của nàng, của người vợ hiền thảo, thủy chung.**  C. Thể hiện sự đoạn tuyệt, không bao giờ còn gặp lại nhau được nữa.  D. Thay cho lời vĩnh biệt Thúc Ngư.  Câu 12: Không gian truyền kì trong Ngư gia chí dị được thể hiện như thế nào?  **A. Thần linh có thể đi lại ở trần thế, có thể trò chuyện hoặc kết hôn cùng với con người.**  B. Con người có thể đi lại giữa thủy cung và trần thế.  C. Con người có thể nhận năng lực đặc biệt từ thần linh.  D. Thần linh khi đã ở lại trần thế sẽ không thể trở về cõi thần tiên.  Câu 13: Tác giả truyền kì đã đánh giá các vấn đề đạo đức trên quan điểm của học thuyết hay tôn giáo nào?  A. Đạo giáo.  B. Phật giáo.  **C. Nho giáo.**  D. Tín ngưỡng thờ Mẫu.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS tham gia trò chơi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB văn học mang lại.

***b. Nội dung:*** Hs viết đoạn văn.

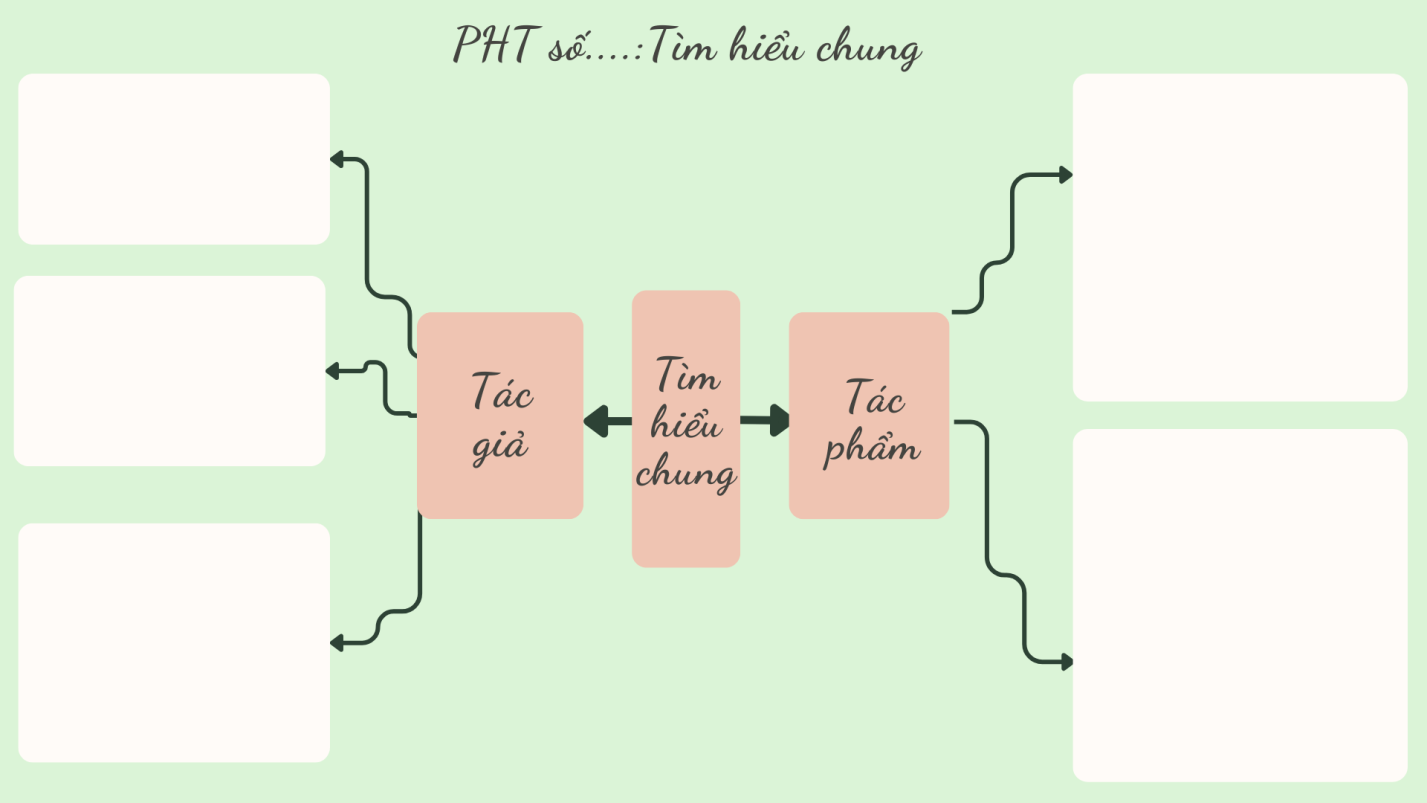
***c. Sản phẩm:*** Đoạn văn của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

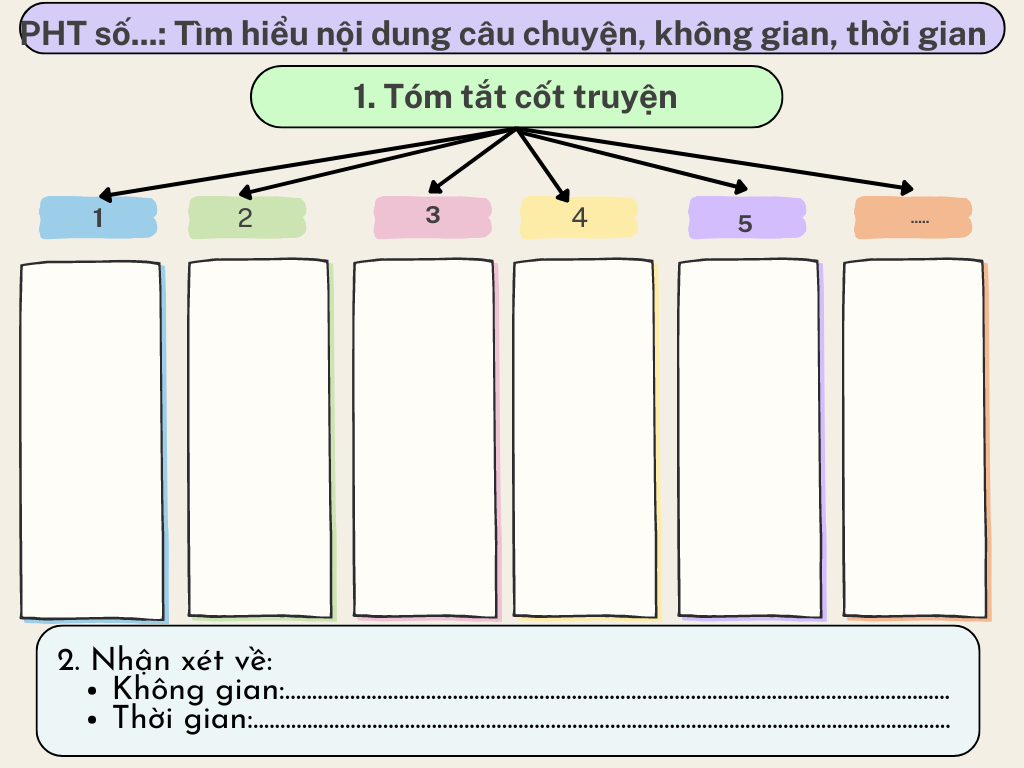
|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:* Viết đoạn văn khoảng 150 chữ chia sẻ về chi tiết mà em ấn tượng nhất trong văn bản.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS dán câu trả lời lên bảng học tập của lớp, một vài HS chia sẻ ấn tượng của mình về chi tiết trong tác phẩm; HS gửi bài vào nhóm lớp.  *\* Kết luận, nhận định*  *-* GV chọn đọc ngẫu nhiên một số đoạn văn của Hs.  - Gv nhận xét về sản phẩm của Hs. | Hs viết đoạn văn. |

**V. PHỤ LỤC**

**PHT số 1**

****

**PHT số 2**

****

**PHT số 3**



|  |  |
| --- | --- |
| **Ngữ liệu 1** | **Ngữ liệu 2** |
| **Lời thơ**  *- Chồng đem tấm lưới chặn dòng sâu,*  *Vợ vác cần dài tới bến câu*  *Gió sớm đi ra, chèo một mái*  *Trăng đêm trở lại cá từng xâu.*  *Khi sông sớm lúc biển chiều,*  *- Quên mình trong cảnh lao đao tối ngày,*  *Cá nhiều bán được tiền ngay,*  *Đêm về có bát cơm đầy phần con* | **Lời hát:**  *Từ ngày thay áo lạy cô chương,*  *Cách tháng về nhà chàng,*  *Trăm năm ân ái ngày còn trường,*  *Bỗng đâu cơn bão táp,*  *Biển cả sóng điên cuồng,*  *Rào rạt mênh mang.*  *Thời ấy, thế ấy,*  *Không lấy thân đương,*  *Thì cô chương, thì hiền lang,*  *Chôn trong bụng cá rất bi thương.*  *Thiên cơ đã lộ,*  *Lại e cha mẹ mắc tai ương,*  *Làm sao giữ được cảnh đồng sàng?*  *Thúc Ngư lang!*  *Ghi nhớ trong tâm trường:*  *Trước song chẳng quản trăng soi bóng,*  *Nhắn nhỉ hoa mai tự chủ trương. Ông xanh, ông xanh sao phũ phàng!* |

**Tiết 48 Đọc kết nối chủ điểm**

**SƠN TINH, THỦY TINH**

**(Nguyễn Nhược Pháp)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận ra được ngữ cảnh giao tiếp, đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.

- Năng lực sáng tạo: Có những lí giải mới mẻ về VB.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.

- Liên hệ, kết nối với VB *Chuyện người con gái Nam Xương, Truyện lạ nhà thuyền chài* để hiểu hơn về chủ điểm *Con người trong thế giới kì ảo*.

**2. Phẩm chất**

Biết cảm thông, chia sẻ với người khác trong học tập và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu ngữ liệu, tranh ảnh.

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền, khơi gợi hứng thú của Hs.

***b. Nội dung:*** Hs xem video hoặc ngữ liệu .

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*:  Cách 1:  *"Núi cao sông hãy còn dài*  *Năm năm báo oán đời đời đánh ghen"*  Câu ca dao trên nhắc đến truyền thuyết nào? Em ấn tượng với nhân vật nào trong truyền thuyết đó? Vì sao?  Cách 2: Nhìn hình ảnh, đoán tên các nhân vật trong truyện truyền thuyết.  TOP 12 mẫu Phân tích nhân vật Sơn Tinh có sử dụng biện pháp tu từ (2024)  SIÊU HAYSơn Tinh Thủy Tinh - phần 2 APK للاندرويد تنزيل  [Thần thoại sử Việt] - Truyền thuyết Thánh Gióng Tạo hình An Dương Vương, Bà Triệu Hoạ... - Đại Việt Sử Quán | Facebook  Truyện cổ tích: Sự tích hồ Gươm  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HSvà dẫn dắt vào bài: Các nhân vật có phép thuật cao cường như Sơn Tinh, Thuỷ Tinh không chỉ xuất hiện trong truyện truyền thuyết mà còn được khắc hoạ trong một bài thơ hiện đại của Nguyễn Nhược Pháp. | Cách 1:  - Truyền thuyết Sơn Tinh – Thủy Tinh  - HS chia sẻ nhân vật mà bản thân ấn tượng  Cách 2  - Sơn Tinh  - Thủy Tinh  - Thánh Gióng  - An Dương Vương  - Lê Lợi/ Rùa Vàng |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc VB và sử dụng được một số kĩ thuật đọc khi trả lời câu hỏi trong khi đọc.

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong khi đọc.

***c. Sản phẩm:*** Phần đọc của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Gv gọi 2 Hs đọc bài.  - Hs giới thiệu về tác giả, tác phẩm theo **PHT số 1**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm đôi HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*  2 Hs đọc bài trước lớp, các HS khác lắng nghe, nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét cách đọc . | **1.1. Đọc văn bản**  - Đọc vui tươi, trong sáng, dí dỏm.  - Chú ý tốc độ đọc.  **1.2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Tác giả Nguyễn Nhược Pháp (1914 - 1938) quê ở Hà Nội. Sáng tác của ông thuộc nhiều thể loại, nổi bật nhất là thơ.  - Sơn Tinh - Thuỷ Tinh được đánh giá là một trong những bài thơ đặc sắc nhất của Nguyễn Nhược Pháp.  **b. Tác phẩm**  - Thể thơ: Văn bản Sơn Tinh – Thủy Tinh thuộc thể loại thơ bảy chữ.  - Bố cục  + Phần 1 (từ đầu đến giời đông): khung cảnh Hùng Vương kén rể cho Mị Nương.  + Phần 2 (tiếp theo đến đầm quanh): vẻ đẹp của Sơn Tinh.  + Phần 3 (tiếp theo đến mà hoa): vẻ đẹp của Thủy Tinh.  + Phần 4 (tiếp theo đến Ô!Vì ta): cuộc giao tranh giữa hai vị thần.  + Phần 5 (đoạn còn lại): lí giải lí do hằng năm Thủy Tinh dâng nước. |

**2. Suy ngẫm và phản hồi**

***a. Mục tiêu:***

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.

- Liên hệ, kết nối với VB *Chuyện người con gái Nam Xương, Truyện lạ nhà thuyền chài* để hiểu hơn về chủ điểm *Con người trong thế giới kì ảo*.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời các câu hỏi trong SGK.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:* Hs thảo luận nhóm đôi các câu hỏi 1,2,3,4.  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà, chuẩn bị chia sẻ theo nhóm đôi.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định.* |  |
| Câu 1: Liệt kê và nêu tác dụng của một số chi tiết kì ảo trong văn bản.  Câu 2: [Phân tích một số hình ảnh, chi tiết thể hiện khung cảnh cuộc sống “ngày xưa” hoặc nét văn hóa cổ truyền của người Việt Nam](https://www.vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/phan-tich-mot-so-hinh-anh-chi-tiet-the-hien-khung-canh.jsp).  Câu 3: Xác định chủ đề, cảm hứng chủ đạo của văn bản.  Câu 4: Kẻ bảng sau vào vở. Tìm một số chi tiết cho thấy sự khác biệt về cách miêu tả nhân vật trong văn bản Sơn Tinh, Thuỷ Tinh (thơ Nguyễn Nhược Pháp) và văn bản Sơn Tinh, Thủy Tinh (truyền thuyết).   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật được miêu tả** | **Chi tiết trong Sơn Tinh, Thủy Tinh(thơ Nguyễn Nhược Pháp)** | **Chi tiết trong Sơn Tinh, Thủy Tinh(truyền thuyết)** | | Nhân vật  Sơn Tinh |  |  | | Nhân vật Thủy Tinh |  |  |   **Gợi ý:**  **Câu 1:** Một số chi tiết kì ảo trong VB:  - Đoàn dẫn lễ của Sơn Tinh: *Theo sau năm chục con voi xám/ Hục hặc, lưng cong phủ gấm điều/ Tải bạc, kim cương, vàng lấp loáng,/ Sừng tê, ngà voi và sừng hươu.*  - Đoàn dẫn lễ của Thuỷ Tinh: *Theo sau cua đỏ và tôm cá,/ Chia đội năm mươi hòm ngọc trai./ Khập khiễng bò lê trên đất lạ,/ Trước thành tấp tểnh đi hàng hai*.  - Thuỷ Tinh gây hấn: *Thuỷ Tinh cưỡi lưng rồng hung hăng./ Cá voi quác mồm to muốn đớp,/ Cá mập quẫy đuôi, cuồng nhe răng,/ Càng cua lởm chởm giơ như mác,/ Tôm kềnh chạy quắp đuôi xôn xao.*  **Câu 2:** Một số chi tiết phản ánh tục thi tài kén rể, cảnh dẫn lễ vật, tình cảnh lưu luyến, bịn rịn của cô dâu - bố, mẹ cô dâu, cảnh rước dâu,... Nhờ các chi tiết đó, bài thơ đã làm sống dậy khung cảnh cuộc sống ngày xưa và nét văn hoá cổ truyền của người Việt Nam.  **Câu 3:**  **-** Chủ đề: Thông qua cuộc thi tài của hai vị thần Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, tác giả lí giải hiện tượng lũ lụt theo quan niệm dân gian.  -Cảm hứng chủ đạo của VB: Ngợi ca việc vua Hùng chọn được rể hiền tài, tinh thần thượng võ của Sơn Tinh.  **Câu 4:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật được miêu tả** | **Sơn Tinh, Thuỷ Tinh**  **(trong thơ Nguyễn Nhược Pháp)** | **Sơn Tinh, Thuỷ Tinh**  **(trong truyền thuyết)** | | Nhân vật Sơn Tinh | Có nhiều chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói, giống con người. Ví dụ: *Sơn Tinh ngồi bạch hổ đi đầu/ Mình phủ áo bào hồng ngọc dát/ Tay ghì cương hổ, tay cầm lau.* | Chỉ có lời kể hành động, sự việc; hầu như không có các chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói. | | Nhân vật Thuỷ Tinh | Có nhiều chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói giống con người.  Ví dụ: *Thuỷ Tinh ngồi trên lưng rồng vàng,/ Yên gấm tung dài bay đỏ choé,/ Mình khoác bào xanh da giời quang.* | Chỉ có lời kể hành động, sự việc; hầu như không có các chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói. |   . | |

**3. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT **.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Em hãy khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản.  *\* Thực hiện nhiệm vụ* và *Báo cáo, thảo luận:* Các nhóm trình bày sơ đồ.  *\* Kết luận, nhận định*: GV nhận xét . | **III. Tổng kết**  - Nội dung: Bài thơ đã tái hiện lại cuộc giao tranh giành Mỵ Nương của Sơn Tinh và Thủy Tinh. Từ đó cho thấy tình yêu của thần cũng giống con người, cũng yêu và trải qua những ghen tuông, thất bại trong tình yêu. Và cũng qua đó lý giải hiện tượng bão lũ hàng năm của tự nhiên.  - Nghệ thuật:  + Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, bài thơ có nhiều liên tưởng lạ, từ tả cảnh, tả người đến tả tình, khiến cho câu chuyện trở nên sinh động và duyên dáng lạ thường.  - Nghệ thuật miêu tả nhân vật kết hợp giữa miêu tả ngoại hình và nội tâm khiến nhân vật hiện lên rất sinh động, gần gũi, đời thường.  - Thể thơ tự do với những câu thơ dài ngắn khác nhau.  - Cách gieo vần và ngắt nhịp linh hoạt, co giãn tự nhiên. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Thi tài cùng Sơn Tinh, Thủy Tinh”

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv tổ chức trò chơi “Thi tài cùng Sơn Tinh, Thủy Tinh”Câu 1: Những chi tiết miêu tả ngoại hình của Mị Nương giúp em hình dung thế nào về nhân vật này?  **A. Mị Nương là một người con gái xinh đẹp, đáng yêu.**  B. Mị Nương là một người con gái trưởng thành, chín chắn.  C. Mị Nương là một người con gái sắc sảo, bản lĩnh.  D. Mị Nương là một người con gái mạnh mẽ, khỏe khoắn.  Câu 2: Hình ảnh vua Hùng trong hai câu thơ sau cho ta hình dung về nhân vật này?  *Hùng Vương mơ vị tay bờ thành,*  *Trông bụi hồng tuôn xa, xa lắc,*  *Mắt nhòa, lệ ngọc ngấn đầm quanh...*  **A. Gần gũi, đôn hậu, hết lòng yêu thương con gái.**  B. Lẫm liệt, oai phong, thể hiện được dáng dấp của một bậc đế vương.  C. Yếu đuối, bao bọc Mị Nương.  D. Lạnh lùng, cương quyết, sát phạt.  Câu 3: Đâu là chi tiết miêu tả ngoại hình của Sơn Tinh?  A. Trên mặt thành liễu rủ.  B. Hớn hở thần trông, thoáng nụ cười.  C. Co gân, nghiến răng.  **D. Mắt phượng, mày ngài.**  Câu 4: Nguyễn Nhược Pháp đã nhìn nhận trận chiến giữa Sơn Tinh, Thủy Tinh ở góc độ nào sau đây?  A. Xuất phát từ sự đố kị, hiếu thắng của Thủy Tinh.  B. Ông chỉ đang bám sát diễn biến trong truyền thuyết Sơn Tinh – Thủy Tinh.  **C. Là câu chuyện của tình yêu, của lòng ghen.**  D. Góc độ hiện thực về thiên tai lũ lụt ở đất nước ta.  Câu 5: Thủy Tinh xuất hiện trong hình ảnh như thế nào?  A. Ngồi trên lưng bạch hổ.  **B. Ngồi trên lưng rồng vàng.**  C. Yến gấm tung dài dát ngọc trai.  D. Theo sau năm chục con voi xám, khập khiễng bước đi trên đất lạ.  Câu 6: Sơn Tinh mang đến những lễ vật nào để hỏi cưới Mị Nương?  A. Tải bạc, kim cương, vàng lấp lánh.  B. Áo bào hồng dát ngọc, kiệu bạc.  C. Yên gấm tung dài, gấm điều, áo bào hồng dát vàng.  **D. Tải bạc, kim cương, vàng lấp lánh, sừng tê, ngà voi và sừng hươu.**  Câu 7: Đâu là chi tiết thể hiện cảm xúc của Mị Nương khi chứng kiến cuộc chiến khốc liệt giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh?  A. Khép nép như cành hoa.  B. Kinh hãi ngồi trong kiệu.  C. Mồm kêu thất thanh.  **D. Kinh hãi ngồi trong kiệu, mắt kệ nhòa.**  Câu 8: Khi biết mình đến chậm hơn Sơn Tinh, Thủy Tinh đã làm gì?  **A. Cưỡi lưng rồng hung hăng, muốn cướp lại Mị Nương.**  B. Càng giương oai, niệm chú đất nẩy vù lên cao.  C. Ghen tức, hoa tay thần vẫy hùm, voi, báo.  D. Áo bào phất phơ nụ cười bay, chấp nhận ra về.  Câu 9: Đâu là nhận xét đúng nhất về giọng điệu của bài thơ Sơn Tinh – Thủy Tinh?  A. Giữ nguyên giọng điệu kể, đan xen sự hài hước, hóm hỉnh.  B. Rất biến hóa, lúc kể, lúc cảm.  C. Trang trọng mà cũng hài hước đấy, lôi cuốn một cách mê hoặc.  **D. Trang trọng nhưng cũng hài hước đấy, lôi cuốn một cách mê hoặc.**  Câu 10: Nghệ thuật nổi bật nhất trong bài thơ Sơn Tinh – Thủy Tinh là gì?  A. Bút pháp lãng mạn hóa.  B. Bút pháp hiện thực.  **C. Yếu tố hoang đường, kì ảo.**  D. Yếu tố phóng đại, khoa trương.  Câu 11: Từ văn bản Sơn Tinh – Thủy Tinh, em có nhận xét gì về vai trò, vị trí của văn học dân gian trong nền văn học Việt Nam thời kì đổi mới?  **A. Là nền tảng, là nguồn cảm hứng dồi dào, tiếp thêm chất liệu sáng tạo cho văn học viết thời kì đổi mới.**  B. Văn học dân gian biến mất khỏi văn đàn và được thay thế bằng văn học viết hiện đại trong thời kì đổi mới.  C. Văn học dân gian có xuất hiện nhưng mờ nhạt trong nền văn học Việt Nam thời kì đổi mới.  D. Có vị trí quan trọng trong văn đàn, lấn át văn học viết.  Câu 12: Theo em, việc dùng góc nhìn hiện đại để viết lại những câu truyện cổ tích, truyền thuyết có tác dụng gì?  A. Thể hiện sự thay thế dần của các thể loại văn học theo từng giai đoạn, thời kì.  B. Thể hiện sự sáng tạo, đổi mới hoàn toàn của văn học Việt Nam.  **C. Chủ đề tư tưởng của truyện cổ cơ bản vẫn được giữ nguyên nhưng mục đích đã hướng tới những vấn đề lớn lao, sâu sắc của thời đại mới.**  D. Chủ đề tư tưởng của truyện cổ đã mang tính hiện đại hơn, sáng tạo hơn, không còn nhiều yếu tố kì ảo mà thay thế bằng chất hiện thực gai góc.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS tham gia trò chơi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

***b. Nội dung:*** Hsvẽ tranh thể hiện một hình ảnh thơ mà bản thân ấn tượng nhất.

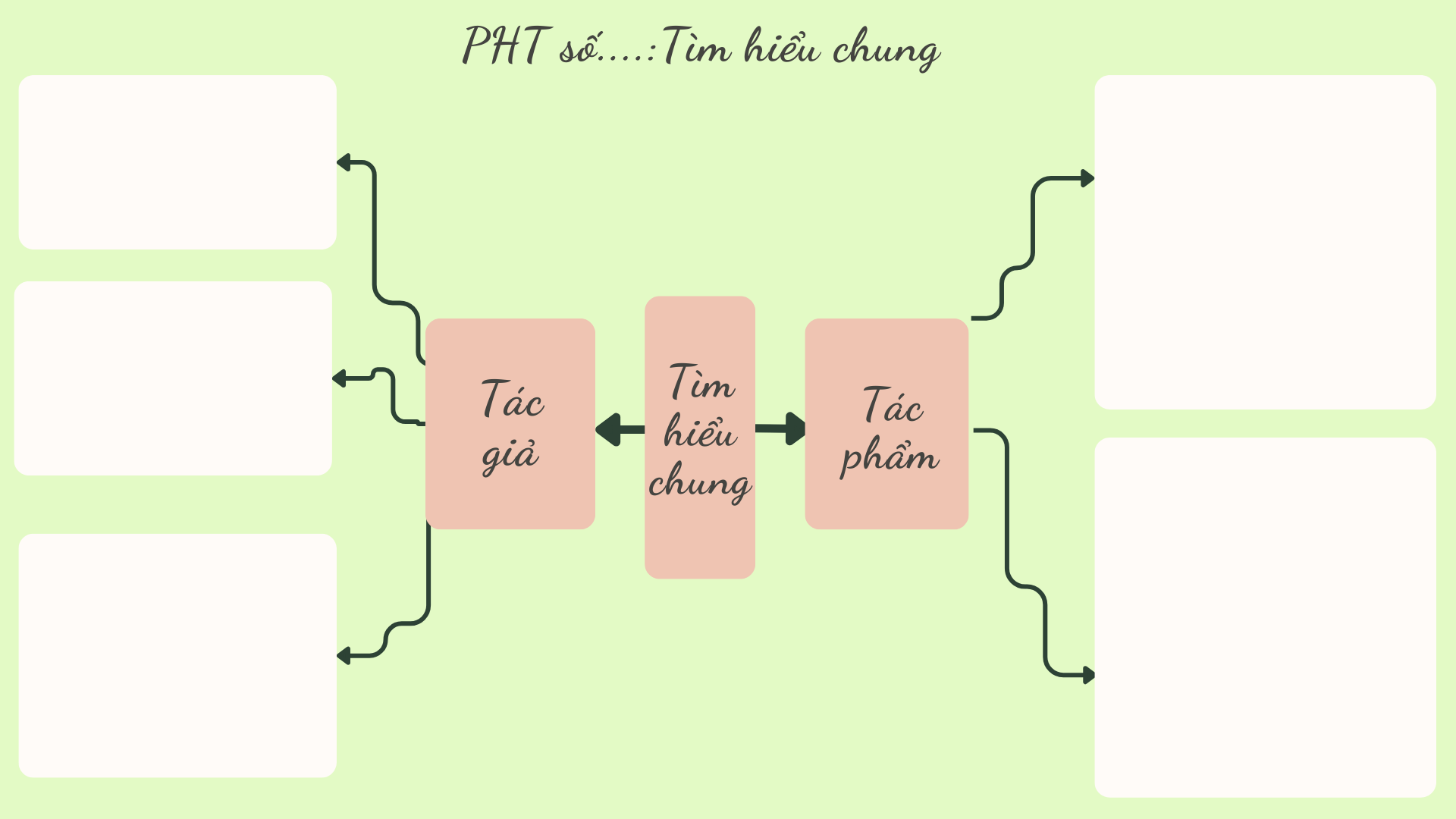
***c. Sản phẩm:*** Bức tranh của HS.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Vẽ tranh thể hiện một hình ảnh thơ mà em ấn tượng nhất.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* Các nhóm gửi sản phẩm vào nhóm zalo của lớp.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của Hs . | Hs vẽ tranh |

**V. PHỤ LỤC**

**PHT số 1**

****

**Tiết 49**

**VĂN BẢN 4: DẾ CHỌI**

**(Xúc Chức – Bồ Tùng Linh)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bảnthân.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

**2. Phẩm chất**

Biết cảm thông, chia sẻ với người khác trong học tập và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim (nếu có).

- Giấy A1/ bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- PHT.

- Sơ đồ, biểu bảng tóm tắt đặc trưng của kiểu VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử và VB phỏng vấn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền, khơi gợi hứng thú của Hs.

***b. Nội dung:*** Hs xem video hoặc ngữ liệu .

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*:  Cách 1:  - Em hiểu gì về trò chơi dế chọi?  - Em suy nghĩ thế nào về hậu quả của việc một ông vua lại mê chơi trò chọi dế?  Cách 2: Theo em, sống dưới triều đại phong kiến, nhất là những triều đại vua quan có lối sống xa hoa, hưởng lạc thì cuộc sống người dân sẽ như thế nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung kiến thức. | Cách 1:  - Dế chọi là một trò chơi chiến đấu giữa hai con dế đực để mua vui cho người xem. Dế chọi phải là con dế đực. Đây là một thú vui của nhiều người. Thường thì trẻ con thường tự mò mẫm bắt dế tự nhiên rồi cho đá chọi với nhau.  - Trò chơi chọi dế phù hợp với lứa tuổi thiếu nhi. Là một nhà vua cần lo lắng rất nhiều việc liên quan đến cả vận mệnh đất nước. Nếu quá mê chơi trò chọi dế khiến cho việc triều chính sẽ bị bỏ bê, kinh tế đi xuống, nền thái bình của dân tộc không được đảm bảo. Đồng thời, khi vua chuộng, đam mê trò chơi, các quan lại sẽ học tập đua đòi theo,...  Cách 2: Cuộc sống người dân dưới triều đại vua quan có lối sống xa hoa, hưởng lạc.  - Dân chúng sống lầm than, tăm tối, khổ cực.  - Phải đóng nhiều thuế khóa vô lí, nặng nề.  - Phải đi làm phục dịch cho những công trình xa hoa tráng lệ .  - Phải cống nạp các vật phẩm cho vua quan.  - Phải chấp nhận những nghịch lí.  -... |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc VB và sử dụng được một số kĩ thuật đọc khi trả lời câu hỏi trong khi đọc.

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong khi đọc.

***c. Sản phẩm:*** Phần đọc của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Hs đọc VB .  ***\**** *Thực hiện nhiệm vụ:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Gv gọi 2 Hs đọc, các Hs khác nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:* Nhận xét về kĩ năng đọc. | - Đọc với giọng đọc chân thành, xót xa.  - HS đọc phù hợp với tốc độ đọc. |

**2. Suy ngẫm và phản hồi**

***a. Mục tiêu:***

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời các câu hỏi trong SGK.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:*  Câu 1: Tóm tắt nội dung câu chuyện theo diễn biến của các sự kiện trong văn bản và cho biết các sự kiện ấy được sắp xếp theo trật tự thời gian, không gian như thế nào.  Câu 2: Câu chuyện trong văn bản cho thấy tục lệ dâng tiến dế quý cho quan lại, vua chúa đã tác động như thế nào đến đời sống của các hạng người trong xã hội đương thời?  Câu 3: Phân tích điểm tương đồng, khác biệt về số phận của nhân vật Thành Danh trước và sau khi tìm được dế quý dâng quan.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Thành Danh trước khi tìm được dế quý dâng quan | Thành Danh sau khi tìm được dế quý dâng quan | | Tương đồng |  | | | Khác biệt |  |  |   Câu 4: Chỉ ra một số biểu hiện của yếu tố kì ảo trong văn bản và tác dụng của yếu tố này trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm.  Câu 5: Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết Dế chọi là truyện truyền kì?  Câu 6: Theo em, nếu bỏ đi phần “lời bàn của tác giả” ở cuối truyện thì việc đọc hiểu truyện Dế chọi có khó khăn/thuận lợi gì?  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà, chuẩn bị chia sẻ theo nhóm đôi.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định* | **Câu 1:** Diễn biến sự kiện:  - Tục dâng tiến dế cho vua quan khiến dân quê khốn đốn. Thành Danh bị giao nộp và phải tìm mọi cách để bắt được dế quý.  - Danh tìm được một con thì đứa con trai làm sổng mất. Đứa con trai sợ quá bỏ đi và chết  dưới giếng.  - Theo lời một cô đồng, Danh tìm được con dế lạ, Danh đem chọi với các con dế khác và luôn luôn thắng cuộc.  - Dế được đem tiến lên trên, quan trên và vua đều rất hài lòng. Nhờ đó, quan được thăng tiến. Thành Danh cũng được ban thưởng. Con Thành Danh hoá dế trở lại làm người, gia đình Danh hưởng bổng lộc, đời đời sung túc.  **Câu 2:** Tục lệ dâng tiến dế cho vua đã tác động đến mọi hạng người trong xã hội:Quan tỉnh lệnh quan huyện nộp dế, quan huyện yêu cầu lí trưởng, lí trưởng ép buộc người dân. Trong đó, mọi sức nặng đè lên người dân, khiến nhiều người bị đánh đập, khuynh gia bại sản.  **Câu 3:**  - Điểm tương đồng: Trước và sau khi bắt được dế quý, số phận Thành Danh đều bị lệ thuộc vào việc tìm bắt được dế quý.  - Điểm khác biệt: **Trước** khi bắt được dế: Thành Danh là nạn nhân; sống trong tình trạng lo lắng, khốn khổ, điêu đứng; tai hoạ ập đến: dế sổng, con chết; **sau** khi bắt được dế: được trọng vọng, ân thưởng, sống đời sống sung túc, con trai sống lại.  **Câu 4:**  - Yếu tố kì ảo trong văn bản:  + Tờ giấy của cô đồng.  + Thành Danh tìm bắt được dế chọi.  + Con dế chọi dáng người nhỏ bé nhưng có sức mạnh phi thường, có khả năng thắng cả những con dế lớn hơn mình nhiều lần.  + Con dế nhảy múa mỗi khi nghe tiếng đàn cầm, đàn sắt ở trong cung.  + Con trai Thành Danh sống lại và kể chuyện hóa dế.  **-** Tác dụng trong việc thể hiện chủ đề: tố cáo tầng lớp quan lại, vua chúa: vì ý thích quái gở của mình mà làm cho bao người lâm vào cảnh cùng quẫn.  **Câu 5**: Các yếu tố của truyện truyền kì được thể hiện thông qua:  - Có sự kết hợp giữa yếu tố hiện thực và yếu tố kì ảo: cầu cúng cô đồng, cô đồng cho chỉ dẫn để bắt được dế, con trai làm dế chết, dế hoá thân thành con khác, dế bị gà bắt nhưng lại cắn được gà, con trai chết đi nhưng sau đó sống lại.  - Nhân vật kì ảo: cô đồng, con dế,...  - Không gian, thời gian có sự đan xen giữa cõi âm, cõi dương, nhân vật là con người chết đi nhưng hồn có thể biến hóa vào con vật.  - Cốt truyện được tổ chức theo trật tự tuyến tính.  **Câu 6:**  - Cuối câu chuyện có trích lại câu nói của Dị Sử thị: Họ Thành vì sâu mọt mà nghèo, nhờ dế chọi mà giàu, áo cừu ngựa tốt vênh vang, lúc làm lí chính bị trách phạt không nghĩ rằng mình được thế đâu. Trời đền đáp cho kẻ trưởng giả trọng hậu, tới nỗi tuần phủ tri huyện cũng được hưởng phúc ấm nhờ con dế. Thường nghe một người lên trời, gà chó cũng thành tiên, đúng lắm thay.  - Nếu như bỏ đi lời bình đó có thể gây ra khó khăn trong việc hiểu rõ ý nghĩa và thông điệp của truyện. Lời bình của tác giả thường giúp người đọc hiểu rõ, hiểu sâu hơn về tác phẩm, nhận thực được giá trị hiện thực xã hội và tình cảm mà tác giả muốn truyền tải. Nếu bỏ đi lời bình có thể dẫn đến hiểu lầm hoặc mất đi một phần quan trọng trong thông điệp của truyện. |

**3. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản.

**b. Nội dung:** Học sinh làm việc cá nhân để khái quát nội dung và nghệ thuật của VB.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Em hãy khái quát nội dung và chỉ ra đặc điểm của truyện truyền kì được thể hiện trong tác phẩm.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS. | **III. Tổng kết**  - Nội dung: Thể hiện nghịch lí khó tin trong cuộc sống mà nguyên nhân chỉ từ một con dế nhỏ, qua đó, tác giả phê phán sâu sắc xã hội phong kiến đương thời.  - Nghệ thuật:  + Cốt truyện được tổ chức theo trật tự tuyến tính.  + Có sự kết hợp giữa yếu tố hiện thực và yếu tố kì ảo. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Dế chọi”.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Gv tổ chức trò chơi Dế chọi  Câu 1: *Dế chọi* thuộc thể loại gì?  A. Tiểu thuyết.  B. Truyện ngắn.  **C. Truyền kì.**  D. Khúc ngâm.  Câu 2: Đâu là thông tin đúng về tập Liêu Trai chí dị?  A. Gồm 500 truyện, khai thác cốt truyện từ truyện dân gian.  B. Bồ Tùng Linh phê phán thẳng thừng giai cấp thống trị của xã hội cũ.  **C. Bồ Tùng Linh mượn chuyện thần tiên, ma quái, loài vật để phê phán mạnh mẽ nền chính trị và những thói hư tật xấu của xã hội Trung Quốc.**  D. Liêu Trai chí dị được dịch ra hai thứ tiếng là tiếng Việt và tiếng Anh.  Câu 3: Bà đồng bói toán xuất hiện với vai trò gì?  A. Là người tìm bắt dế cho Thành.  **B. Là người chỉ điểm cho gia đình Thành nơi có dế.**  C. Là người cứu Thành khỏi những trận đòn roi.  D. Là người dự đoán trước tương lai của Thành.  Câu 4: Đâu là yếu tố kì ảo được sử dụng trong truyện?  A. Chi tiết con dế của Thành chọi đâu thắng đó.  B. Chi tiết con trai Thành vớt từ giếng lên vẫn còn thoi thóp thở, nhưng thần thái ngây ngốc như người gỗ, ngủ mê mệt.  **C. Con dế chọi đấu thắng đó là do hồn con trai Thành đã hóa thân vào con dế chọi đó.**  D. Chi tiết bà đồng chỉ điểm nơi có dế cho nhà Thành.  Câu 5: Vì sao nhà Thành lại cạn kiệt dần gia sản?  A. Vì Thành là người ăn chơi sa đọa.  **B. Vì nếu không bắt được dế thì phải tìm mua để dâng lên vua.**  C. Vì gia đình Thành làm ăn thua lỗ.  D. Vì gia đình Thành bị quan trên ép giao nộp tài sản.  Câu 6: Đặc trưng nổi bật nào của thể truyền kì được thể hiện trong văn bản Dế chọi?  A. Tính phê phán, đả kích.  B. Yếu tố bi kịch.  **C. Yếu tố hoang đường, kì ảo.**  D. Yếu tố hài hước, châm biếm.  Câu 7: Sức lan tỏa, bao quát của tác phẩm thể hiện ở khía cạnh nào?  A. Phản ánh bộ mặt xã hội cũ đen tối, bạo tàn.  **B. Bi kịch của gia đình Thành là bi kịch chung của ngàn vạn gia đình khác ở thời điểm đó.**  C. Tác phẩm gây được tiếng vang lớn nhất trong bộ Liêu trai chí dị.  D. Nội dung tác phẩm khiến nhiều thế hệ người đọc vẫn còn ghi nhớ và để lại nhiều suy ngẫm.  Câu 8: Theo em, truyền kì Việt Nam khác gì so với truyền kì Trung Quốc?  A. Truyền kì Việt Nam khác hoàn toàn về đặc trưng thể loại so với truyền kì Trung Quốc.  **B. Nội dung phản ánh trong truyền kì Việt Nam gắn liền với mạch nguồn văn hóa và lịch sử dân tộc, đặc biệt là gắn với văn học dân gian và văn xuôi lịch sử.**  C. Truyền kì Việt Nam có nội dung vay mượn của truyền kì Trung Quốc nhưng được thể hiện dưới một hình thức nghệ thuật sáng tạo.  D. Truyền kì Việt Nam được viết bằng chữ Nôm.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS. |  |

**D. VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ VB để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.

***b. Nội dung:*** Hs viết đoạn văn.

***c. Sản phẩm:*** Đoạn văn của Hs.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: [Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) nêu nhận xét của em về tính chất kì ảo của truyện Dế chọi.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-kn/viet-doan-van-neu-nhan-xet-cua-em-ve-tinh-chat-ki-ao-cua-de.jsp)  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* Các nhóm gửi sản phẩm vào nhóm zalo của lớp.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của Hs .  0981.713.891 | Gợi ý:  - Đoạn văn của HS cần bảo đảm các yêu cầu:  + Nội dung: nhận xét về tính chất kì ảo của truyện Dế chọi.  + Dung lượng: đoạn văn 7 - 9 câu.  - Đoạn văn tham khảo:  Tính chất kì ảo là một trong những yếu tố đã làm nên thành công của truyện *Dế chọi*. Truyện có hai sự việc mang tính chất kì ảo. Sự việc thứ nhất là mảnh giấy do bà đồng gù ném ra sau khi vợ Thành sắm lễ đến xin bói, những hình vẽ trên mảnh giấy kia là sự chỉ dẫn kì lạ giúp Thành bắt được con dế quý. Sự việc thứ hai: sau khi làm chết con dế quý của cha, đứa con trai 9 tuổi của Thành đã hoá thân thành con dế, tuy nhỏ, nhưng có thể thắng bất cứ con dế kì lạ nào. Để thấy được ý nghĩa, vai trò của từng yếu tố kì ảo trong truyện, cần đặt nó vào mạch chuyện. Sự kiện thứ nhất xuất hiện lúc Thành đang lâm vào thế bế tắc: không làm sao mà tìm được con dế đạt tiêu chuẩn để nộp quan, khiến Thành rơi vào khốn đốn: bị đánh đập, o ép đến mức muốn tự tử. Mảnh giấy có tính chất chỉ dẫn của bà đồng gù đã giúp Thành tìm được con dế quý. Mặc dù con dế đó không nộp được cho quan (vì bị đứa con trai làm chết), nhưng có vai trò dẫn đến sự việc có tính chất kì ảo thứ hai: đứa con trai đã hoá thành một con dế để cứu cha. Như vậy, các yếu tố kì ảo trong truyện có quan hệ liên đới, cùng tập trung tháo gỡ bế tắc của nhân vật, đẩy câu chuyện phát triển theo chủ ý sáng tạo của tác giả. |

**IV. PHỤ LỤC**

**Tiết 50**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**CÁCH DẪN TRỰC TIẾP, CÁCH DẪN GIÁN TIẾP**

**VÀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU CÂU**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: thể hiện trong hoạt động làm bài tập nhóm đôi ở hoạt động *Thực hành tiếng Việt*.

**1.2. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết và phân tích được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

- Cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- PHT.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:***

- Kích hoạt được hiểu biết kiến thức nền liên quan đến nội dung bài học.

- Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ học tập tiếng Việt cần thực hiện.

***b. Nội dung:*** Hs so sánh 2 ngữ liệu.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi Think – Pair – Share, chỉ ra sự khác nhau trong cách trình bày lời nói của Vũ Nương trong hai đoạn văn dưới đây:  a) Hôm sau, Linh Phi lấy một cái túi bằng lụa tía, đựng mười hạt minh châu, sai sứ giả Xích Hỗn đưa Phan ra khỏi nước. Vũ Nương nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng mà dặn:  - Nhờ nói hộ với chàng Trương, nếu còn nhớ chút tình xưa nghĩa cũ, xin lập một đàn giải oan ở bến sông, đốt cây đèn thần chiếu xuống nước, tôi sẽ trở về.  b) Hôm sau, Linh Phi lấy một cái túi bằng lụa tía, đựng mười hạt minh châu, sai sứ giả Xích Hỗn đưa Phan ra khỏi nước. Vũ Nương nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng và dặn Phan nói hộ với chàng Trương rằng nếu còn nhớ chút tình xưa nghĩa cũ thì xin lập một đàn giải oan ở bến sông, đốt cây đèn thần chiếu xuống nước, nàng sẽ trở về.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc và tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 HS trình bày, các nhóm khác nghe, bổ sung (nếu có).  *\* Kết luận, dẫn dắt vào bài mới:* | - Gợi ý: Sự khác nhau trong cách trình bày lời nói của Vũ Nương:  a) Đặt sau dấu hai chấm và dấu dùng gạch ngang đầu dòng. → Lời thoại của nhân vật.  b) Đặt sau từ “rằng”, không có dấu gạch ngang đầu dòng và diễn đạt lại nội dung nhưng vẫn đảm bảo ý (lược bỏ từ ngữ, thay đổi từ dùng để xưng hô). → Dẫn lại lời nhân vật.  - GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp để có thể vận dụng linh hoạt trong quá trình tạo lập văn bản. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết và phân tích được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

***b. Nội dung:*** Hs đọc tri thức tiếng Việt và trả lời câu hỏi.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Nhóm 2 HS đọc tri thức Ngữ văn và hoàn thiện PHT số 1:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Nội dung | Khái niệm | Dấu hiệu nhận biết | Ví dụ | | Dẫn trực tiếp |  |  |  | | Dẫn gián tiếp |  |  |  |   - Nhóm 2 HS tìm sự khác nhau trong cách dẫn lời nói của nhân vật trong hai ví dụ sau: (\*)  a. Thành xem trăn trở, tự nhủ: "Phải chăng bức vẽ này chỉ cho ta chỗ bắt dế?"  b. Đoạn “Rồi nàng tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang, ngửa mặt lên trời mà than rằng: Kẻ bạc mệnh này, ...”.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Hs thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.  *\* Báo cáo, thảo luận:* (1), (2) Đại diện 1 - 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời câu hỏi HS.  (\*) Sự khác nhau trong lời nói của nhân vật  a. Dẫn trực tiếp: Dùng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép nhắc lại nguyên văn lời nhủ của nhân vật Thành.  b. Dẫn gián tiếp: Có từ “rằng” đi kèm, không đặt trong dấu ngoặc kép. | **I. Tri thức tiếng Việt**  **1. Cách dẫn trực tiếp**  - Khái niệm: Dẫn trực tiếp là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của một người/ một nhân vật.  - Dấu hiệu nhận biết: Phần dẫn trực tiếp thường được đặt trong dấu ngoặc kép.  - Ví dụ: Thành xem trăn trở, tự nhủ: “Phải chăng bức vẽ này chỉ cho ta chỗ bắt dế?”.  (Bồ Tùng Linh, Dế chọi)  **2. Cách dẫn gián tiếp**  - Khái niệm: Dẫn gián tiếp là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của một người/ một nhân vật theo cách diễn đạt của mình.  - Dấu hiệu nhận biết: Phần dẫn gián tiếp thường dùng kèm các từ “rằng”, “là”,... và không được đặt trong ngoặc kép.  - Ví dụ: Phần “chuyện kia do ai nói ra” trong câu “Nhưng nàng hỏi chuyện kia do ai nói ra, thì lại giấu không kể lời con nói;...” (Nguyễn Dữ, Chuyện người con gái Nam Xương) là lời nói của Vũ Nương được dẫn gián tiếp. |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP**

***a. Mục tiêu:***

- Nhận biết và phân tích được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

- Cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp.

***b. Nội dung:*** Hs làm bài tập 1,2,3 trong SGK.

***c. Sản phẩm:*** Nội dung trả lời các bài tập 1, 2 và 3 trong SGK của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  (1) Nhóm 2 HS thực hiện các bài tập 1, 2 trong SGK.  (2) HS làm việc cá nhân để thực hiện bài tập 3 trong SGK.  **Bài tập 1:** Xác định lời dẫn và cách dẫn trong trường hợp sau:  *Thành nghĩ:* *“Nuôi vật hèn kém cuối cùng cũng vô dụng, chi bằng đem chọi lấy một tiếng cười”.*  (Bồ Tùng Linh, *Dế chọi*)  **Bài tập 2:** Đọc đoạn thoại sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:  **Thợ phụ** *- Bẩm cụ lớn, anh em chúng tôi đội ơn cụ lớn lắm lắm.*  **Ông Giuốc-đanh** – *“Cụ lớn”, ồ, ồ, cụ lớn! Chủ mày thong thả tí đã. Cái tiếng*  *“cụ lớn” đáng thưởng lắm. “Cụ lớn” không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé.*  *Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây.*  (Mô-li-e, *Trưởng giả học làm sang*)  a. Trong lời thoại của ông Giuốc-đanh, cụm từ cụ lớn được sử dụng mấy lần? Trong những lần ấy, lần nào là lời dẫn và dẫn theo cách nào? Căn cứ vào đâu để em khẳng định điều đó?  b. Cách ông Giuốc-đanh sử dụng cụm từ cụ lớn như vậy cho thấy diều gì trong tâm lí, tính cách của ông ta?  c. [Dựa vào đoạn thoại trên, hãy viết một đoạn văn tự sự dẫn trực tiếp lời nói của nhân vật thợ phụ và ông Giuốc-đanh.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/doan-van-tu-su-dan-truc-tiep-loi-noi-cua-nhan-vat.jsp)  **Bài tập 3:** Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:  *Chàng bèn theo lời, lập một đàn tràng ba ngày đêm ở bến Hoàng Giang. Rồi quả thấy Vũ Nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau có đến năm muơi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện.*  *Chàng vội gọi, nàng vẫn ở giữa dòng mà nói vọng vào:*  *- Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thề sống chết cũng không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng trở về nhân gian được nữa.*  *Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dẫn mà biến đi mất.*  (Nguyễn Dữ, *Chuyện người con gái Nam Xương*).  a. Xác định lời nói của nhân vật Vũ Nương trong đoạn trích trên. Chỉ ra cách Nguyễn Dữ đã sử dụng để dẫn lời nói của nhân vật và nêu tác dụng của lời dẫn trong đoạn trích.  b. Thuật lại lời nói của nhân vật Vũ Nương theo cách dẫn gián tiếp.  c. Chỉ ra điểm khác biệt giữa lời nói của nhân vật Vũ Nương trong đoạn trích trên và phần thuật lại của em.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:*  (1) Nhóm 2 HS thực hiện các bài tập 1, 2 trên giấy A0 hoặc vào vở.  (2) Cá nhân HS thực hiện bài tập 3.  *\* Báo cáo, thảo luận:*  (1) Đại diện 1 - 2 nhóm trình bày các bài tập 1, 2; các nhóm khác nbổ sung, trao đổi.  (2) 1 - 2 HS trình bày bài tập 3.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét nội dung trả lời các bài tập của HS. | **Bài tập 1:**  **-** Lời dẫn: *Nuôi vật hèn kém cuối cùng cũng vô dụng, chi bằng đem chọi lấy một tiếng cười*.  - Cách dẫn: Dùng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép nhắc lại nguyên văn ý nghĩ của nhân vật Thành.  **Bài tập 2:**  a. 5 lần. Trong 5 lần cụm từ “cụ lớn” được sử dụng trong lời thoại của ông Giuốc-đanh, có 3 lần là lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép và 2 lần là lời dẫn gián tiếp. (Ông Giuốc-đanh - "Cụ lớn", ồ, ồ, cụ lớn! Chú mày thong thả tí đã. Cái tiếng "cụ lớn" đáng thưởng lắm. "Cụ lớn" không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây).  b. Cách ông Giuốc-đanh sử dụng cụm từ cụ lớn lặp đi lặp lại thể hiện ông ta rất thích thú, hài lòng khi được thợ phụ gọi mình như vậy; qua đó cho thấy nét tính cách "trưởng giả học làm sang" của ông ta.  c. Đoạn văn sau dùng cách dẫn trực tiếp thứ hai: Biết ông Giuốc-đanh là "trưởng giả học làm sang", gã thợ phụ bèn nghĩ cách dùng lời nịnh nọt ngọt ngào để vòi tiền ông ta:  *- Bẩm cụ lớn, anh em chúng tôi đội ơn cụ lớn lắm lắm.*  Nghe vậy, ông Giuốc-đanh vô cùng đắc ý. Ông thốt lên:  *- "Cụ lớn", ồ, ồ, cụ lớn! Chú mày thong thả tí đã. Cái tiếng "cụ lớn" đáng thưởng lắm. "Cụ lớn" không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây.*  **Bài tập 3:**  a. Lời nói của nhân vật Vũ Nương trong đoạn trích được Nguyễn Dữ sử dụng cách dẫn trực tiếp bằng dấu hai chấm và đặt lời nói của lời nói của Vũ Nương sau gạch đầu dòng.  b. Theo cách dẫn gián tiếp, lời nói của nhân vật Vũ Nương có thể được thuật lại như sau: Chàng bèn theo lời, lập một đàn tràng ba ngày đêm ở bến Hoàng Giang. Rồi quả thấy Vũ Nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện.  Chàng vội gọi, nhưng nàng vẫn ở giữa dòng mà nói vọng vào. Vũ Nương nói cho Trương Sinh biết rằng nàng đã thề sống chết không bỏ Linh Phi, rằng rất đa tạ chàng nhưng nàng chẳng trở về nhân gian được nữa.  Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất.  c. Điểm khác biệt giữa lời nói của nhân vật Vũ Nương trong đoạn trích trên và phần thuật lại của HS: một bên là lời dẫn cách dẫn trực tiếp; một bên là lời dẫn cách dẫn gián tiếp. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức về chủ điểm và cách dẫn trực tiếp, gián tiếp để viết đoạn văn.

***b. Nội dung:*** Viết một đoạn văn trình bày ấn tượng của em về một nhân vật xuất hiện trong các văn bản được học ở chủ điểm 4. Trong đoạn văn, có ít nhất một lời dẫn theo cách trực tiếp hoặc lời dẫn theo cách gián tiếp.

***c. Sản phẩm*:** Đoạn văn của Hs.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Viết một đoạn văn trình bày ấn tượng của em về một nhân vật xuất hiện trong các văn bản được học ở chủ điểm 4. Trong đoạn văn, có ít nhất một lời dẫn theo cách trực tiếp hoặc lời dẫn theo cách gián tiếp .  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Hs suy nghĩ câu hỏi.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 3-4 Hs trình bày đoạn văn.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét đoạn văn của Hs. |  |

**Tiết 51,52**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG VIẾT**

**VIẾT MỘT TRUYỆN SÁNG TẠO DỰA TRÊN MỘT TRUYỆN ĐÃ ĐỌC**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện.

**2. Phẩm chất**

- Phát triển khả năng tự chủ thông qua khả năng kiểm soát bài viết dựa trên bảng kiểm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, bảng, phấn.

- SGK, SGV, biểu bảng,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động xác định nhiệm vụ viết**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được nhiệm vụ viết.

***b. Nội dung:*** HS đọc khung Yêu cầu cần đạt trong SGK, tên đề mục phần kĩ năng Viết và trả lời câu hỏi sau để xác định nhiệm vụ học tập.

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc khung Yêu cầu cần đạt trong SGK, tên đề mục phần kĩ năng Viết và trả lời câu hỏi sau để xác định nhiệm vụ học tập: Dựa vào yêu cầu cần đạt và tên đề mục phần kĩ năng Viết, cho biết ở bài học này, chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS đọc SGK và tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 - 2 HS trả lời.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS. | Nhiệm vụ học tập: Viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện đã học. |

**2. Hoạt động giới thiệu tình huống giao tiếp khi thực hiện bài viết**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được tình huống giao tiếp khi thực hiện bài viết.

***b. Nội dung:*** Hs thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi.

***c. Sản phẩm:***Câu trả lời của HS về tình huống giao tiếp cần viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện đã học.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Trong cuộc sống, chúng ta thường kể lại một câu chuyện đã đọc/ đã biết cho người khác trong bối cảnh nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Một vài HS trả lời.  *\* Kết luận, nhận định*: GV ghi vắn tắt câu trả lời của HS lên bảng, tổng hợp một số tình huống giao tiếp có thể kể lại một câu chuyện. Từ đó, GV giới thiệu bài học. | Gợi ý:  - Khi thực hiện nhiệm vụ học tập.  - Dự hội thi.  -... |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được đặc điểm, yêu cầu đối với kiểu bài viết một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện.

***b. Nội dung:*** HS đọc phần thông tin trang 114 để hoàn thành PHT số 1.

***c. Sản phẩm:***  Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Cá nhân HS đọc SGK trang 114, hoàn thành **PHT số 1.**   |  |  | | --- | --- | | **Nhiệm vụ** | **Câu trả lời** | | Nêu khái niệm về kiểu bài. |  | | Em hãy chỉ ra yêu cầu đối với kiểu bài. |  | | Trình bày bố cục của bài viết về một truyện kể sáng tạo. |  |   *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc SGK, ghi chú thông tin quan trọng và tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS nêu câu trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*GV kết luận, nhận định về kiểu bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử dựa vào *Tri thức Ngữ văn*. | **I. Tri thức về kiểu bài**  **1. Khái niệm**  Viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện kể đã đọc là dùng trí tưởng tượng và kĩ năng kể chuyện của người viết để viết một truyện kể bằng cách phỏng theo một truyện đã đọc với những sáng tạo, kết hợp sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong khi kể.  **2. Yêu cầu kiểu bài**  - Có nhân vật, cốt truyện, bối cảnh phù hợp; nội dung có tính giáo dục.  - Thể hiện được sự sáng tạo của người viết về nội dung truyện đã đọc (khơi sâu, nắn lại chủ đề, bổ sung nhân vật, sự việc; thay đổi bối cảnh, quan hệ;...) hoặc về hình thức (thay đổi ngôi kể, nhân vật; cách tạo dựng đối thoại, độc thoại, biện pháp tu từ, kết hợp miêu tả, biểu cảm;...).  - Kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm.  - Bố cục:  + Mở đầu truyện: giới thiệu nhân vật/ bối cảnh/ nội dung chính của truyện kể.  + Diễn biến truyện: thuật lại diễn biến các sự việc trong câu chuyện theo một trình tự hợp lí, thể hiện được khả năng tưởng tượng và cách kể chuyện sáng tạo; có kết hợp sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong khi kể chuyện.  + Kết thúc truyện: phù hợp, gây ấn tượng hoặc gợi suy nghĩ đối với người đọc (tùy trường hợp có thể giải thích hoặc khái quát ý nghĩa bài học từ truyện kể). |

**2. Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Phân tích được đặc điểm của kiểu bài thể hiện qua VB phân tích mẫu.

***b. Nội dung:*** HS đọc và trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích mẫu trong SGK.

***c. Sản phẩm:***  Câu trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích mẫu trong SGK của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*:  (1) HS phần tóm tắt truyện *Sự tích con trâu* trong SGK (phần chú giải cuối trang 115). (GV giao cho HS bài tập về nhà: tìm đọc toàn văn truyện *Sự tích con trâu*).  (2) Đọc thầm VB *Con trâu* trong SGK:  - So sánh những điểm giống và khác nhau giữa truyện *Sự tích con trâu* và VB *Con trâu.*  - Đối chiếu các đoạn trong bài văn đã được đánh số và box thông tin tương ứng ở bên phải VB.  (3) Thảo luận về các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu VB.  Câu 1: Tính sáng tạo của văn bản truyện so với truyện gốc được thể hiện ở những điểm nào? (Đọc lại nội dung tóm tắt truyện được phỏng theo ở cước chú trang 116 để xác định những biểu hiện của sự sáng tạo đó.)  Câu 2: Chỉ ra một số chi tiết cho thấy văn bản truyện kể trên có kết hợp khéo léo các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong khi kể chuyện.  Câu 3: Văn bản trên đã đáp ứng những yêu cầu về nội dung đối với các phần mở đầu truyện, diễn biến truyện, kết thúc truyện như thế nào?  Câu 4: Qua văn bản trên, em rút ra được những lưu ý gì khi viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện kể đã đọc?  *\* Thực hiện nhiệm vụ*: HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ từ (1) 🡪 (2) 🡪 (3).  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 2 - 3 nhóm HS trình bày câu trả lời.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS. | **Câu 1:** Tính sáng tạo của VB truyện so với truyện gốc được thể hiện ở những điểm sau:  - Có phần dẫn dắt của tác giả ở đầu VB.  - Có sự thay đổi về ngôi kể chuyện từ góc nhìn thứ ba sang ngôi thứ nhất.  - Kết hợp các yếu tố biểu cảm và miêu tả trong VB. Ví dụ:   |  |  | | --- | --- | | **Chi tiết, sự việc trong VBgốc** | **Chi tiết, sự việc trongVB *Con trâu*** | | Ngọc Hoàng sai một vị thần mang hai túi hạt giống, một túi đựng hạt giống ngũ cốc, một túi đựng hạt giống cỏ, gieo xuống trần gian để giúp cho muôn loài có thức ăn | Giời sinh ra loài người và các giống vật nuôi, nhưng không muốn để chúng cứ ăn thịt lẫn nhau, bèn tạo ra ngũ cốc và cỏ. Ấy là mười hạt giống và một nắm rễ, mà Đức Ngọc Hoàng, một buổi sớm mát lành, vời một vị thần trên thiên đình đến giao cho, với những lời dặn:  - Nhà ngươi mang mười hạt giống này gieo xuống trần gian, mỗi hạt sẽ hoá thành muôn nghìn hạt nhỏ mọc mầm ở trên đất và gây thành ngũ cốc cho loài người; còn nắm rễ này thì nhà ngươi ném từng cái một xuống những khoảng đất nào mà ngũ cốc không lan tới, rễ sẽ nảy ra từng cánh đồng cỏ cho loài vật. Nhưng nên nhớ kĩ rằng phải gieo ngũ cốc trước đã, rồi mới ném cỏ xuống sau. |   **Câu 2:**  - Yếu tố miêu tả kết hợp biểu cảm: Các chi tiết miêu tả vẻ bề ngoài của thiên thần, khung cảnh thiên nhiên đồi núi khô nẻ trước khi gieo,... kết hợp với việc thể hiện một cách gián tiếp tình cảm của người kể đối với các nhân vật, sự việc trong câu chuyện qua cách miêu tả, cách dùng từ. Ví dụ: tình cảm yêu thương, tươi vui qua cách dùng từ: "Ấy là mười hạt giống, một buổi sớm mát lành"; sự thán phục với vị thần qua cách miêu tả "In bóng lên tầng mây năm sắc rực rỡ, hình thù vị thần ấy cũng lộng lẫy, uy nghiệm,..."; niềm hi vọng qua cách dùng từ "Nhưng cái màu xanh đầy sinh khí, cái màu xanh của ngăn ngắt và nõn nà, sắp sửa nảy mầm rồi."  **Câu 3:** VB trên đã đáp ứng yêu cầu về phần mở đầu, diễn biến, kết thúc vì:  - Mở đầu: Giới thiệu về lí do có câu chuyện *Con trâu*.  - Diễn biến truyện: Các sự kiện chính xảy ra theo logic hợp lí, kết hợp giữa các yếu tố miêu tả và biểu cảm.  - Kết thúc: Nhân vật đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng nên bị trừng phạt.  **Câu 4:** HS có thể rút ra được những lưu ý khi viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện kể đã đọc đó là:  - Có thể thêm, bớt hoặc điều chỉnh một vài chi tiết nhưng cần đảm bảo nội dung chính, cải biên quá nhiều sẽ làm mất đi ý nghĩa của truyện.  - Sử dụng các yếu tố biểu cảm và miêu tả để tăng tính hấp dẫn, truyền cảm cho truyện. |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP**

**1. Hoạt động chuẩn bị trước khi viết**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được đề tài.

***b. Nội dung:*** HS đọc đề bài trong SGK, mục *Hướng dẫn quy trình viết* trả lời câu hỏi.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về đề tài của bài viết.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*: Gv hướng dẫn Hs cách lựa chọn đề tài.  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ .  *\* Báo cáo, thảo luận:*Đại diện1 - 2HS trình bày câu trả lời trước lớp.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS. | **Đề bài:** [Viết một truyện kể sáng tạo với đề tài tự chọn, phỏng theo một truyện đã đọc (khoảng 1000 chữ) có sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/viet-mot-truyen-ke-sang-tao-voi-de-tai-tu-chon.jsp).  - Lựa chọn đề tài: Lưu ý các tiêu chí lựa chọn:  + Nội dung truyện phù hợp với thuần phong mĩ tục, có ý nghĩa giáo dục.  + Nhân vật, cốt truyện không quá phức tạp, số trang viết vừa phải,...  + Vừa sức và thuận lợi đối với việc phát huy sự sáng tạo của bản thân. |

**2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý và viết bài**

***a. Mục tiêu:***

***-***  Biết cách tìm ý, lập dàn ý .

-Viết được một truyện kể sáng tạo với đề tài tự chọn, phỏng theo một truyện đã đọc (khoảng 1000 chữ) có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm.

- Biết cách tự chỉnh sửa bài viết của bản thân.

***b. Nội dung:*** Hs hoàn thiện các PHT.

***c. Sản phẩm:*** Hệ thống ý, dàn ý, bài viết của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*:  - Tìm ý cho bài viết bằng cách:  + Đọc kĩ truyện đã chọn.  + Điền thông tin vào cột 1 trong **PHT 1** (làm trên giấy A0).  + Ghi những nội dung dự định thay đổi trong truyện gốc vào cột 2.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Truyện gốc** | **Truyện mô phỏng** | | Tên truyện |  |  | | Các tình tiết, sự kiện chính |  |  | | Bối cảnh câu chuyện |  |  | | Các nhân vật |  |  | | Ngôi kể |  |  | | Chủ đề |  |  |   - Dựa vào cột 2 trong PHT số 1, Hs vẽ sơ đồ dàn ý cho bài viết theo **PHT số 2** (Phụ lục).  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ theo thứ tự (1) đến (2).  *\* Báo cáo, thảo luận:*Đại diện1 - 2HS trình bày câu trả lời trước lớp.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS. | Hs thực hành |

**3. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

**3.1. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa**

***a. Mục tiêu:***

- Nêu được nhận xét về bài viết của HS khác trong lớp.

- Tiếp tục điều chỉnh bài viết của bản thân.

***b. Nội dung:*** Nhóm 2 HS trao đổi bài viết cho nhau để đọc và đánh giá, nhận xét bài viết của bạn dựa vào bảng kiểm.

***c. Sản phẩm:*** Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*:  - Hai HS đổi bài cho nhau, dùng *Bảng kiểm* *kĩ năng viết một truyện kể sáng tạo mô phỏng truyện đã đọc* để góp ý cho bài của bạn. Lưu ý: hoạt động này có thể được thực hiện online, trên lớp học ảo.  - Phản hồi của HS về những góp ý của bạn.  *\* Thực hiện nhiệm vụ*: Nhóm hai HS lần lượt thực hiện từng nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Một số nhóm HS chia sẻ góp ý cho bài của bạn và phản hồi về góp ý của bạn.  *Lưu ý*: Trường hợp GV đã tổ chức cho HS công bố bài viết trên lớp học ảo thì GV sẽ chọn một hoặc hai bài, chiếu trên màn hình lớp học thực để cả lớp góp ý, dựa trên bảng kiểm.  *\* Kết luận, nhận định:*GV đánh giá và nhận xét . | GV đánh giá và nhận xét trên hai phương diện:  - Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các bài viết.  - Cách nhận xét, góp ý cho bài viết của bạn. |

**3.2. Hoạt động rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:*** Rút ra được bài học kinh nghiệm về cách viết một truyện kể sáng tạo, mô phỏng truyện đã đọc.

***b. Nội dung:*** HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử.

***c. Sản phẩm:*** Những kinh nghiệm rút ra của HS về cách viết một truyện kể sáng tạo mô phỏng truyện đã đọc có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*: Mỗi HS ghi lại ít nhất hai bài học kinh nghiệm về viết một truyện kể sáng tạo mô phỏng truyện đã đọc có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm, sau quá trình viết và thảo luận về bài viết với các bạn cùng lớp.  *\* Thực hiện nhiệm vụ*: HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân.  *\* Báo cáo, thảo luận:* mời HS chia sẻ những kinh nghiệm mà mình rút ra được.  *\* Kết luận, nhận định:*GV tổng kết, nhận xét, đánh giá. | Hs tự ghi lại |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Chỉnh sửa được những nội dung chưa hoàn chỉnh trong bài viết của bản thân.

***b. Nội dung:*** Hs chỉnh sửa bài viết.

***c. Sản phẩm:*** Bài viết đã được chỉnh sửa một số phần của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*: HS về nhà viết lại những phần chưa đáp ứng yêu cầu kiểu bài.  *\* Thực hiện nhiệm vụ*: HS về nhà thực hiện nhiệm vụ học tập.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS công bố bài viết trên trang web của lớp hoặc Bảng học tập của lớp. Các HS khác đọc và phản hồi bằng cách bình luận, hoặc biểu thị cảm xúc đối với bài viết đã chỉnh sửa của bạn.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét thái độ tích cực, chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao. | Hs chọn và thực hiện nhiệm vụ. |

**IV. PHỤ LỤC**

**PHT số 2**

**Mở đầu truyện**

- Bối cảnh xảy ra câu chuyện:

...................................................................

- Nhân vật chính:

.....................................................................

**Diễn biến truyện**

- Sự việc thứ nhất

...................................................................

- Sự việc thứ hai

..................................................................

- Sự việc thứ ....

...................................................................

**Kết thúc truyện**

Vấn đề được giải quyết

...................................................................

hoặc trình bày những suy ngẫm

...................................................................

**Bảng kiểm kĩ năng viết một truyện kể sáng tạo mô phỏng truyện đã đọc.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Mở đầu truyện | Giới thiệu nhân vật/bối cảnh/ nội dung chính của câu chuyện. |  |  |
| Có phần dẫn dắt lôi cuốn, thu hút sự chú ý của người đọc. |  |  |
| Đảm bảo nội dung chính của truyện gốc. |  |  |
| Diễn biến truyện | Có nhân vật. |  |  |
| Có cốt truyện. |  |  |
| Sử dụn ngôi kể phù hợp. |  |  |
| Câu chuyện được thuật lại với sự kiện, diễn biến hợp lí. |  |  |
| Thể hiện sự sáng tạo của bản thân người viết (về nhân vật/ sự kiện/ tình huống, bối cảnh/ chi tiết...) |  |  |
| Kết hợp lời kể với lời miêu tả, biểu cảm. |  |  |
| Làm nổi bật sự kiện, nhân vật chính. |  |  |
| Nội dung truyện kể có ý nghĩa, có tính giáo dục. |  |  |
| Kết thúc truyện | Phù hợp với diễn biến câu chuyện. |  |  |
| Gây ấn tượng hoặc gợi suy nghĩ đối với người đọc. |  |  |
| Kĩ năng sử dụng lời văn kể chuyện | Câu văn giàu hình ảnh. |  |  |
| Lời kể linh hoạt, tự nhiên. |  |  |
| Đảm bảo dung lượng khoảng 1000 chữ. |  |  |

**Tiết 53, 54**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG NÓI VÀ NGHE**

**KỂ MỘT CÂU CHUYỆN TƯỞNG TƯỢNG**

**Thời gian thực hiện:**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**1.2. Năng lực đặc thù**

Biết kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện,...).

**2. Phẩm chất**

Có khả năng tưởng tượng sáng tạo.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, phấn/ bút lông.

- PHT.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt được kiến thức nền về kĩ năng kể chuyện.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi liên quan đến kĩ năng kể lại chuyện tưởng tượng.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về hiểu biết nền liên quan đến kĩ năng kể lại câu chuyện tưởng tượng.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS thảo luận về câu hỏi: Em đã từng kể lại câu chuyện nào đó cho người khác nghe chưa? Kể trong bối cảnh nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 2 - 3 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nghe, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng hợp các câu trả lời của HS, dẫn dắt vào bài học. | Hs chia sẻ. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được những điểm giống và khác nhau của hai kiểu bài kể chuyện tưởng tượng.

***b. Nội dung:*** HS hoàn thiện PHT số 1.

***c. Sản phẩm:*** Thông tin điền vào bảng yêu cầu đối với hai kiểu bài.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  *-* HS đọc thông tin trong bước 1 trong SGK và điền vào **PHT số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Kể một câu chuyện tưởng tượng** | **Kể lại một câu chuyện mô phỏng truyện đã đọc** | | **Giống nhau** | .................................................................................................................... | | | **Khác nhau** | ...................................................... | ...................................................... |   *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 2 - 3 HS báo cáo sản phẩm, nhóm khác trao đổi, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*GV tổng kết ý kiến của HS. | - Điểm giống nhau giữa hai kiểu bài: Có bối cảnh (không gian, thời gian diễn ra câu chuyện); có cốt truyện (chuỗi hành động của các nhân vật); có nhân vật (con người, con vật, thần tiên, cây cối, đồ vật,...).  - Điểm khác nhau giữa hai kiểu bài: Kể một câu chuyện tưởng tượng:Hoàn toàn do người kể sáng tạo; Kể lại một câu chuyện mô phỏng truyện đã đọc:Dựa trên nội dung truyện gốc, thay đổi, điều chỉnh một số chi tiết, ngôi kể,... |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**1. Hoạt động thực hiện nhiệm vụ Nói và nghe**

**1.1. Hoạt động xây dựng dàn ý cho câu chuyện**

***a. Mục tiêu:*** Phác thảo được dàn ý cho câu chuyện sẽ kể.

***b. Nội dung:*** HS xây dựng dàn ý cho câu chuyện.

***c. Sản phẩm:*** Dàn ý cho câu chuyện tưởng tượng.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 2HS thực hiện **PHT số 2.**  **Lưu ý:** HS có thể kể lại câu chuyện dựa trên câu chuyện đã viết trong tiết học Viết hoặc kể lại một câu chuyện khác.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS thực hiện xong nhiệm vụ (1) 🡪 (2).  *\* Báo cáo, thảo luận:* 2 - 3 HS trình bày sản phẩm để cả lớp trao đổi, góp ý.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của HS, điều chỉnh những nội dung chưa hợp lí (nếu có). |  |
| ***.***   |  | | --- | | **PHT số 1**  **XÂY DỰNG DÀN Ý CHO CÂU CHUYỆN TƯỞNG TƯỢNG**  1. Tên câu chuyện: …  2. Bối cảnh, nhân vật, các sự kiện chính cần làm rõ trong khi kể.  a. Bối cảnh  - Không gian: …...................................................................................................  - Thời gian: ..........................................................................................................  b. Các nhân vật: ..................................................................................................  c. Các sự kiện chính cần làm rõ trong khi kể:  - Sự kiện thứ nhất: ..............................................................................................  - Sự kiện thứ hai: ................................................................................................  - Sự kiện thứ ba: ............................................................................................... | | |

**1.2. Hoạt động kể chuyện**

***a. Mục tiêu:***

- Kể lại được câu chuyện tưởng tượng*.*

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

***b. Nội dung:*** Hs thực hành kể chuyện.

***c. Sản phẩm:*** Câu chuyện tưởng tượng được kể bằng lời, lời nhận xét, góp ý cho cách kể của bạn.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Dựa trên dàn ý đã lập, kể lại câu chuyện bằng lời nói trong nhóm.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ trong nhóm 4, 5 HS, 1 HS kể, các HS khác nghe, góp ý dựa trên *Bảng kiểm kĩ năng kể một câu chuyện tưởng tượng*.  *Lưu ý*: GV có thể tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ này ở nhà: tự kể câu chuyện và quay clip, gửi vào nhóm học tập ảo của lớp học.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 2 HS đại diện cho 2 nhóm kể lại câu chuyện, các HS lắng nghe, góp ý dựa trên bảng kiểm.  *\* Kết luận, nhận định:*GV tổng kết ý kiến góp ý của các nhóm, nhận xét về kĩ năng kể chuyện của 2 HS. | Hs thực hành .  - Chào hỏi người nghe, tự giới thiệu về bản thân.  - Trình bày các thông tin rõ ràng, mạch lạc, chính xác.  - Kết hợp sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.  - Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói.  - Dự kiến các câu hỏi, thắc mắc của người nghe và câu trả lời. |

**2. Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:*** Rút ra được bài học kinh nghiệm về cách kể câu chuyện tưởng tượng.

***b. Nội dung:*** Hs trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời và lời nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS trả lời câu hỏi: Rút ra hai bài học kinh nghiệm về cách kể câu chuyện tưởng tượng bằng lời nói.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Mời một số HS trình bày bài học kinh nghiệm, HS sau không lặp lại ý kiến của HS trước.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS . | GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS trên ba phương diện:  + Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần lưu ý, điều chỉnh về cách kể một câu chuyện tưởng tượng.  + Cách nhận xét, đánh giá việc kể lại một câu chuyện tưởng tượng (thông qua Bảng kiểm).  + Cách HS lắng nghe và phản hồi với nhận xét, đánh giá của các HS khác. |

**D. HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN PHẦN ÔN TẬP**

***a. Mục tiêu:*** Biết cách thực hiện phần ôn tập tại nhà.

***b. Nội dung:*** HS trả lời các câu hỏi ôn tập ở nhà.

***c. Sản phẩm:*** Phần ghi chú của HS về cách thực hiện phần ôn tập tại nhà.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* GV giao cho HS trả lời các câu hỏi ôn tập ở nhà.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS trả lời các câu hỏi ôn tập ở nhà.  *\* Báo cáo, thảo luận*: HS sẽ trình bày sản phẩm trong tiết ôn tập tại lớp.  *\* Kết luận, nhận định:*GV sẽ nhận xét về sản phẩm của HS trong tiết ôn tập tại lớp. | Hs trả lời câu hỏi |

**IV. PHỤ LỤC**

**Bảng kiểm kĩ năng kể một câu chuyện tưởng tượng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Phần mở đầu | Chào hỏi người nghe. |  |  |
| Giới thiệu ngắn gọn về bản thân. |  |  |
| Nêu nhan đề câu chuyện sẽ kể. |  |  |
| Tóm tắt nội dung truyện trong vài câu ngắn (nếu cần). |  |  |
| Phần nội dung | Giới thiệu nhân vật và/ hoặc bối cảnh. |  |  |
| Thuật lại các sự kiện, diễn biến câu chuyện theo quan hệ nhân quả hoặc quan hệ tiếp nối. |  |  |
| Kết hợp kể với miêu tả, biểu cảm. |  |  |
| Làm nổi bật sự kiện, nhân vật chính. |  |  |
| Kết thúc | Kết thúc câu chuyện hợp lí. |  |  |
| Nêu câu hỏi để người nghe tự rút ra ý nghĩa, chủ đề hay thông điệp từ câu chuyện. |  |  |
| Cảm ơn người nghe. |  |  |
| Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe | Sử dụng hình ảnh, từ ngữ, kiểu câu phù hợp. |  |  |
| Sử dụng hợp lí các phương tiện phi ngôn ngữ. |  |  |
| Cách mở đầu và kết thúc ấn tượng, hấp dẫn. |  |  |

**Tiết 55**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY ÔN TẬP**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Vận dụng được các năng lực để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

**2. Phẩm chất:**

Biết cảm thông, chia sẻ với người khác trong học tập và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Bảng, phấn/ bút lông.

- SGK, SGV,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Tạo hứng thú cho HS.

***b. Nội dung:*** Hs tham gia trò chơi...

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* GV hướng dẫn HS chia lớp thành 4 đội với số lượng thành viên tương đương nhau và tham gia trò chơi *Ong tìm chữ.*  - Trong vòng 3 phút, đội nào ghi được nhiều từ khóa liên quan đến chủ đề Con người trong thế giới kì ảo đội đó sẽ dành chiến thắng.  - Phiếu trò chơi: Phụ lục.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS lắng nghe, suy nghĩ tìm câu trả lời, sau đó chia sẻ với bạn.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Một số HS trình bày câu trả lời, các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định.* | Các từ khóa:  - Kì ảo  - Truyện kể  - Tưởng tượng  - Sẻ chia  - Truyền kì  - Sáng tạo  - Chi tiết |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu:***

- Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà.

- Củng cố được kiến thức đã học về Đọc, tiếng Việt, Viết, Nói và nghe trong bài học.

- Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà.

***b. Sản phẩm:***Câu trả lời cho các câu hỏi Ôn tập của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS xem lại phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà, sau đó trình bày kết quả theo hình thức nhóm đôi.  Câu 1: Kẻ bảng sau vào vở, liệt kê một số yếu tố kì ảo quan trọng và nêu tác dụng của nó trong các truyện Chuyện người con gái Nam Xương, Truyện lạ nhà thuyền chài, Dế chọi.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Văn bản | Yếu tố kì ảo | Tác dụng | | Chuyện người con gái Nam Xương. |  |  | | Truyện lạ nhà thuyền chài. |  |  | | Dế chọi. |  |  |   Câu 2: Vì sao trong truyện truyền kì (như Chuyện người con gái Nam Xương, Truyện lạ nhà thuyền chài, Dế chọi,...) luôn cần đến yếu tố kì ảo?  Câu 3: Có những điểm khác biệt nào trong cách đọc hiểu một truyện có sử dụng yếu tố kì ảo và một truyện không sử dụng yếu tố này?  Câu 4: Phân biệt cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp. Cho ví dụ minh hoạ.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Lời dẫn trực tiếp** | **Lời dẫn gián tiếp** | | Khái niệm |  |  | | Tác dụng |  |  | | Ví dụ |  |  |   Câu 5: Theo em, điều quyết định thành công trong việc viết một truyện kể sáng tạo mô phóng một truyện kể đã đọc là gì?  Câu 6: Nêu một số điểm cần ghi nhớ khi kể lại một câu chuyện mô phỏng lại truyện đã đọc.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS xem lại, chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà, sau đó chia sẻ với bạn cùng nhóm đôi.  *\* Báo cáo, thảo luận*: HS trình bày kết quả phần chuẩn bị. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thức trọng tâm về kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đã được học. |  |
| Câu 1:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Yếu tố kì ảo** | **Tác dụng** | | Chuyện người con gái Nam Xương | - Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa mai xanh  - Phan Lang gặp nạn được các tiên nữ đưa về chốn thủy cung.  - Cuộc gặp gỡ và trò chuyện của Phan Lang và Vũ Nương dưới cung nước.  - Phan Lang trở về trần thế, gặp và trò chuyện với Trương Sinh.  - Trương Sinh lập đàn giải oan, Vũ Nương hiện về trong làn sương khói, nói lời tạ từ rồi biến mất. | - Làm nên đặc trưng của thể loại Truyện truyền kì.  - Làm nên yếu tố bất ngờ, hấp dẫn cho người đọc.  - Hoàn thiện nét đẹp vốn có của nhân vật Vũ Nương ngay cả khi nàng đã sang thế giới mới, một người phụ nữ nặng tình, nặng nghĩa, bao dung, nhân hậu và rất coi trọng danh dự.  - Tạo nên kết thúc phần nào có hậu, thể hiện ước mơ ngàn đời của nhân dân ta về lẽ công bằng. | | Truyện lạ nhà thuyền chài | - Ngọa Vân biến thành một con cá để bảo vệ gia đình trong cơn bão biển khủng khiếp là một chi tiết kì ảo.  - Việc miêu tả Ngọa Vân là một người phụ nữ xinh đẹp và duyên dáng cũng là một chi tiết kì ảo, nhằm tạo nên hình ảnh quyến rũ và tuyệt trần của nhân vật. | Chi tiết này nhấn mạnh tính hy sinh và lòng hiếu thảo của Ngọa Vân.  Các chi tiết kì ảo này giúp thể hiện tính cách mạnh mẽ, thông minh và sẵn lòng hy sinh của Ngọa Vân, cũng như tạo nên không khí kỳ bí và lãng mạn trong văn bản. | | Dế chọi | - Tờ giấy của cô đồng.  - Thành Danh tìm bắt được dế chọi.  - Con dế chọi dáng người nhỏ bé nhưng có sức mạnh phi thường, có khả năng thắng cả những con dế lớn hơn mình nhiều lần.  - Con dế nhảy múa mỗi khi nghe tiếng đàn cầm, đàn sắt ở trong cung.  - Con trai Thành Danh sống lại và kể chuyện hóa dế. | Thông qua câu chuyện ngắn gọn với một số chi tiết li kì, biến ảo về việc gia đình Thành Danh tìm bắt, nuôi nấng dế chọi để cống nạp cho nhà vua, tác giả đã phê phán chế độ chính trị tàn bạo đương thời đã đè nén, áp bức, gây ra bao đau thương cho những người dân hiền lành lương thiện. |   Câu 2: Trong truyện truyền kì luôn cần đến yếu tố kì ảo vì:  - Trong tác phẩm văn học, yếu tố kì ảo là cầu nối để đưa ta vào thế giới chưa biết, huyền diệu và bí ẩn trong trí tưởng tượng, vào những giấc mơ không có thật. Nó đem đến cảm giác mới lạ cho người đọc, mở ra một chân trời mới của sức tưởng tượng bay bổng. Mặt khác, nó khiến con người không quay đi với đời sống thực tại mà luôn sẵn sàng đối diện, nhận thức đời sống một cách sâu sắc hơn.  - Mượn yếu tố hoang đường, kì ảo, mượn truyện xưa để phản ánh xã hội đương thời.  - Qua yếu tố kì ảo để phản ánh quan niệm, phản ánh ước mơ và tư duy suy hình.  Câu 3: Điểm khác biệt trong cách đọc hiểu một truyện có sử dụng yếu tố kì ảo và một truyện không sử dụng yếu tố này:  - Với truyện có sử dụng yếu tố kì ảo, người đọc thường phải chấp nhận những yếu tố phi thực tế và không tuân thủ theo quy luật tự nhiên. Điều này đòi hỏi người đọc phải có khả năng tưởng tượng. Truyện kì ảo thường mang đến thế giới độc đáo, những nhân vật và sự kiện không xảy ra trong thực tế tạo ra một thế giới thú vị cho người đọc.  - Với truyện không sử dụng yếu tố kì ảo hoang đường, người đọc tập trung vào các sự kiện nhân vật có thể xảy ra trong thực tế, phản ánh cuộc sống hàng ngày và những vấn đề xã hội. Người đọc có thể dễ dàng đồng cảm, nhận ra những góa trị văn hóa, thông điệp sâu sắc từ câu chuyện.  Câu 4:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Lời dẫn trực tiếp** | **Lời dẫn gián tiếp** | | Khái niệm | Là việc nhắc lại nguyên văn lời nói, suy nghĩ của nhân vật hay một người nào đó và thường được đặt trong dấu ngoặc kép. | Là việc thuật lại lời nói hay nêu lại ý nghĩ của người hoặc nhân vật khác. Lời dẫn gián tiếp thường sẽ có những điều chỉnh thích hợp ở trong đoạn văn và chúng không đặt bên trong dấu ngoặc kép. | | Tác dụng | Nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩa của người, nhân vật. | Thuật lại lời nói và ý nghĩa của người, nhân vật, có điều chỉnh sao cho phù hợp với ngữ cảnh nói. | | Ví dụ | Tục ngữ đã có câu: “Lá lành đùm lá rách”. | Thúy Ngân bảo là ngày mai bạn ấy không đến được. |   Câu 5: Hs tự chia sẻ  Câu 6: Một số điều cần ghi nhớ: bối cảnh, nhân vật, cốt truyện của câu chuyện. | |

**C. HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN VỀ CÂU HỎI LỚN CỦA CHỦ ĐIỂM**

***a. Mục tiêu:***Củng cố được kiến thức đã học .

***b. Nội dung:*** Hs viết đoạn văn.

***c. Sản phẩm:*** Đoạn văn của Hs.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* [Viết một đoạn văn ghi lại bài học em rút ra được từ một trong những văn bản đã học](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/doan-van-ghi-lai-bai-hoc-em-rut-ra-duoc-tu-mot.jsp).  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS phác thảo câu trả lời, sau đó trao đổi với bạn cùng nhóm.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày câu trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét, tổng kết câu trả lời của HS. GV khơi gợi để HS tiếp tục suy nghĩ về câu hỏi lớn sau khi kết thúc bài học. | Gợi ý:  Từ tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” em cảm nhận được vai trò của niềm tin trong cuộc sống. Niềm tin là nguồn động lực to lớn, nguồn sức mạnh diệu kì, và nó thực sự đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống của mỗi con người. Đó chính là sự hi vọng, sự tin tưởng, hiểu rõ và đánh giá đúng năng lực, hiểu biết của bản thân hay sự tin tưởng vào những người xung quanh nữa. Thể hiện trong các mối quan hệ với những người xung quanh, ta tin tưởng vào những người tốt, mà không hề nghi ngờ, nghĩ xấu về họ. Chúng ta thấy rằng, nếu thiếu đi lòng tin, con người cũng mất đi tình yêu thương trong cuộc sống. Bởi em hiểu “Một người đã đánh mất niềm tin vào bản thân thì sẽ còn đánh mất nhiều thứ quí giá khác nữa”! |

**IV. PHỤ LỤC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **K** | **Ì** | **Ả** | **O** | **Ư** | **Ơ** | **N** | **G** | **H** | **U** | **Y** | **Ệ** | **N** | **Y** | **O** |
| **N** | **K** | **M** | **W** | **S** | **D** | **T** | **R** | **U** | **Y** | **Ệ** | **N** | **K** | **Ể** | **L** |
| **T** | **Y** | **K** | **F** | **T** | **E** | **U** | **Z** | **T** | **C** | **H** | **A** | **D** | **Q** | **X** |
| **R** | **A** | **Z** | **M** | **R** | **H** | **M** | **Ế** | **I** | **H** | **H** | **I** | **K** | **V** | **X** |
| **S** | **O** | **T** | **H** | **U** | **K** | **I** | **U** | **P** | **I** | **K** | **O** | **A** | **B** | **Z** |
| **V** | **A** | **N** | **S** | **Y** | **T** | **G** | **Ệ** | **F** | **T** | **L** | **S** | **L** | **U** | **O** |
| **W** | **S** | **O** | **T** | **Ề** | **X** | **I** | **Q** | **G** | **I** | **Ọ** | **Á** | **D** | **G** | **R** |
| **X** | **B** | **N** | **H** | **N** | **Đ** | **C** | **Q** | **D** | **Ế** | **K** | **N** | **R** | **V** | **W** |
| **S** | **S** | **C** | **H** | **K** | **N** | **T** | **H** | **I** | **T** | **F** | **G** | **T** | **J** | **S** |
| **B** | **D** | **Q** | **N** | **Ì** | **I** | **H** | **À** | **Ủ** | **W** | **Y** | **T** | **Á** | **C** | **Ẻ** |
| **H** | **N** | **K** | **L** | **W** | **L** | **B** | **H** | **C** | **Đ** | **Y** | **Ạ** | **C** | **U** | **C** |
| **K** | **H** | **T** | **G** | **F** | **W** | **V** | **H** | **U** | **M** | **Ề** | **O** | **P** | **U** | **H** |
| **T** | **H** | **G** | **N** | **T** | **H** | **E** | **A** | **N** | **G** | **B** | **E** | **H** | **W** | **I** |
| **T** | **Ư** | **Ở** | **N** | **T** | **Ư** | **Ợ** | **N** | **G** | **J** | **N** | **X** | **Ẩ** | **E** | **A** |
| **N** | **T** | **U** | **A** | **I** | **T** | **L** | **Ơ** | **F** | **S** | **R** | **G** | **M** | **A** | **G** |